



NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
TRỊNH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH

Vở bài tập

TIẾNG VIỆT



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
TRINH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH

Vở bài tập
TIẾNG VIỆT



TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢNG KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

(3), (5): Bài tập tự chọn

M: Mẫu



Chữa lỗi



Tự đánh giá

SGK: Sách giáo khoa Tiếng Việt 2, tập một
tr.: trang

Chân trời sáng tạo



LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập một là một tài liệu học tập kèm theo sách giáo khoa **Tiếng Việt 2, tập một – Chân trời sáng tạo**. Các bài tập được biên soạn theo sát từng bài học trong sách giáo khoa, nhằm giúp các em ôn luyện, củng cố, mở rộng các nội dung đã được học.

Các em ghi nhớ ý nghĩa của từng kí hiệu ở trang 2 cuốn vở này để thực hiện đúng các yêu cầu học tập trong từng bài học.

Chúc các em tìm thấy niềm vui, niềm yêu thích và những điều bổ ích khi học những bài học từ bộ sách **Tiếng Việt 2 – Chân trời sáng tạo**.

Các tác giả

EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 1 – 2)

Bài 1:	Bé Mai đã lớn	6
Bài 2:	Thời gian biểu	7
Bài 3:	Ngày hôm qua đâu rồi?	10
Bài 4:	Út Tin	11

MỖI NGƯỜI MỘT VẼ (TUẦN 3 – 4)

Bài 1:	Tóc xoăn và tóc thẳng	15
Bài 2:	Làm việc thật là vui	16
Bài 3:	Những cái tên	19
Bài 4:	Cô gió	20

BỐ MẸ YÊU THƯƠNG (TUẦN 5 – 6)

Bài 1:	Bọ rùa tìm mẹ	23
Bài 2:	Cánh đồng của bố	24
Bài 3:	Mẹ	28
Bài 4:	Con lợn đất	29

ÔNG BÀ YÊU QUÝ (TUẦN 7 – 8)

Bài 1:	Cô chủ nhà tí hon	34
Bài 2:	Bưu thiếp	35
Bài 3:	Bà nội, bà ngoại	38
Bài 4:	Bà tôi	39

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)

Ôn tập 1	43
Ôn tập 2	44
Ôn tập 3	46



Ôn tập 4	47
Ôn tập 5	50

NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ (TUẦN 10 – 11)

Bài 1:	Cô chủ không biết quý tình bạn	52
Bài 2:	Đồng hồ báo thức	53
Bài 3:	Đồ đạc trong nhà	57
Bài 4:	Cái bàn học của tôi	58

NGÔI NHÀ THỨ HAI (TUẦN 12 – 13)

Bài 1:	Bàn tay dịu dàng	62
Bài 2:	Danh sách tổ em	63
Bài 3:	Yêu lắm trường ơi!	69
Bài 4:	Góc nhỏ yêu thương	70

BẠN THÂN Ở TRƯỜNG (TUẦN 14 – 15)

Bài 1:	Chuyện của thước kẻ	74
Bài 2:	Thời khoá biểu	76
Bài 3:	Khi trang sách mở ra	80
Bài 4:	Bạn mới	81

NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ (TUẦN 16 – 17)

Bài 1:	Mẹ của Oanh	85
Bài 2:	Mục lục sách	87
Bài 3:	Cô giáo lớp em	90
Bài 4:	Người nặn tò he	92

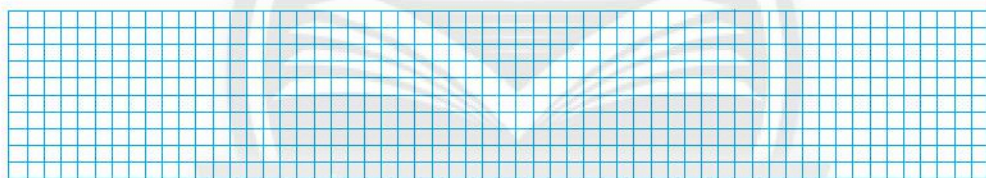
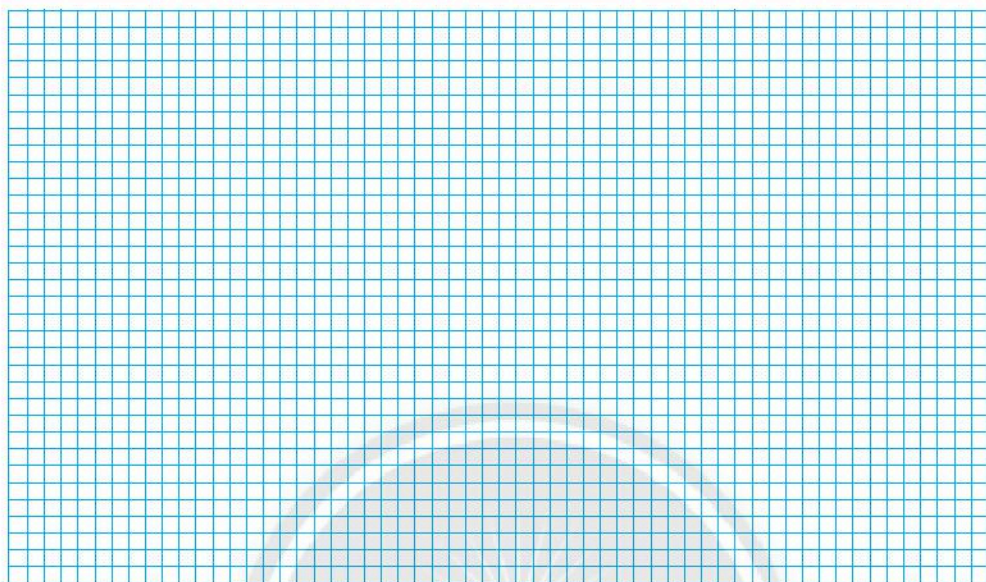
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)

Ôn tập 1	97
Ôn tập 2	98
Đánh giá cuối học kì I	101



Bài 2: Thời gian biểu (SGK, tr.13)

1. Nghe – viết: *Bé Mai đã lớn* (từ đầu đến đồng hồ nữa).



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

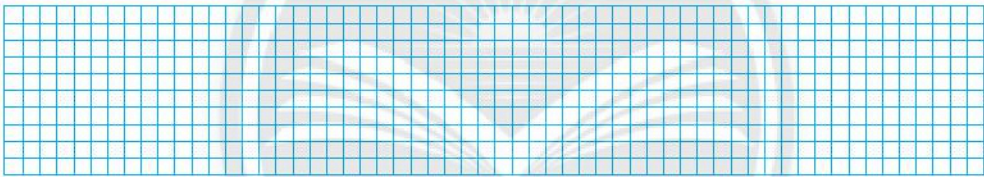
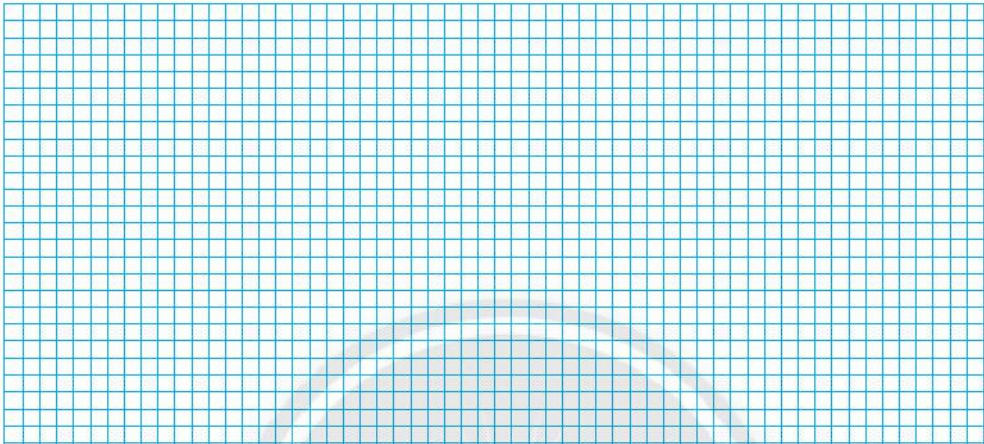
Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2	á
3	â	ớ
4	bê
5	xê
6	dê
7	đ	đê
8	e
9	ê



6. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu dựa vào gợi ý:

- a. Tên em là gì?
- b. Em có sở thích gì?
- c. Ước mơ của em là gì?

...



7. Viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về trẻ em.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật:.....

.....



Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi? (SGK, tr.18)

1. Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ sự vật phù hợp với mỗi bức tranh:



M: cô giáo



2. Đánh dấu ✓ vào trước câu dùng để giới thiệu.

- Em là học sinh lớp Hai.
- Em rất thích học bơi.
- Em đang tập thể dục.

3. Viết 1 – 2 câu giới thiệu bạn cùng lớp với em (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	là gì?
Bạn Ánh	là tổ trưởng tổ em.
.....
.....
.....
.....



Bài 4: Út Tin (SGK, tr.21)

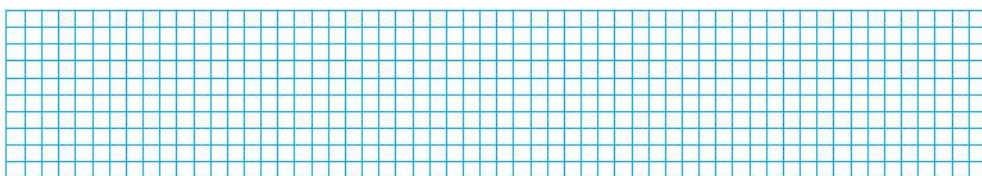
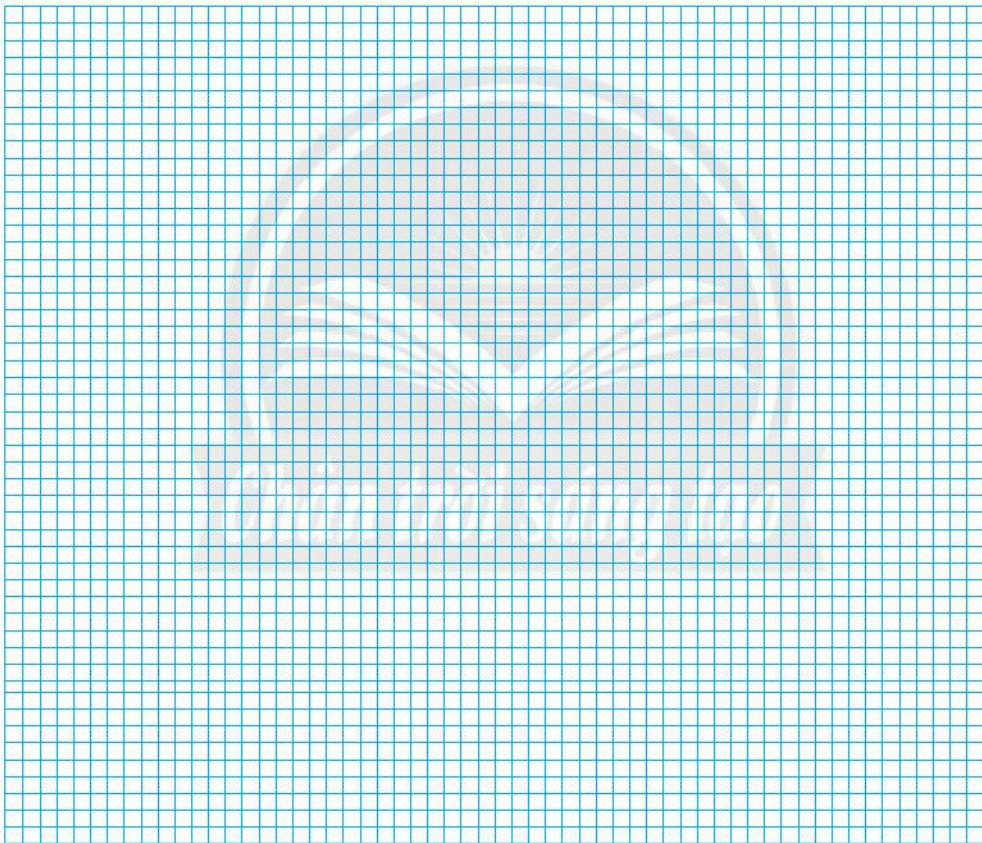
1. Nhìn – viết: Ngày hôm qua đâu rồi?.

Ngày hôm qua đâu rồi?

– Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

Bế Kiến Quốc



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11	hát
12	i
13	k	ca
14	e-lờ
15	m	em-mờ
16	en-nờ
17	o
18	ô
19	ơ

3. Điền chữ g hoặc chữ gh vào chỗ trống:

Thời gian biểu của em



ngủ dậy, xếp chănối



đi học



tan học



tắmội



ăn tối, lau bànế



đi ngủ

7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về trẻ em.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tác giả:

Thông tin em biết:

.....

.....

.....

.....

.....

Chân trời sáng tạo



Bài 2: Làm việc thật là vui (SGK, tr.29)

1. Nghe – viết: *Làm việc thật là vui* (từ *Bé* làm bài đến hết).



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	pê
21	q	quy
22	e-rờ
23	ét-sì
24	tê
25	u
26	ư
27	vê
28	x	ích-xì
29	i dài

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chữ **s** hoặc chữ **x**.
chiaẻ ung phong um hợp

b. Vần **en** hoặc vần **eng**.
áo l..... cái k..... để m.....

4. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm trong mỗi dòng sau:

- a. bạn học, bạn bè, kết bạn, bạn thân
- b. chạy bộ, bơi lội, tốt bụng, múa hát

5. Chọn từ ngữ ở bài tập 4 rồi điền vào chỗ trống:

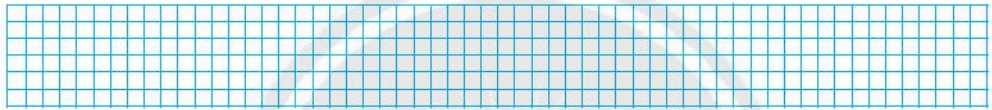
An và Bích là đôi Cuối tuần, hai bạn thường quanh công viên. Mùa hè, hai bạn cùng tham gia câu lạc bộ



6. Viết 1 – 2 câu về một việc em thích làm trong ngày nghỉ cuối tuần.

--

9. Vẽ một đồ vật hoặc con vật được nhắc đến trong bài
Làm việc thật là vui. Đặt tên cho bức vẽ.



Bài 3: Những cái tên (SGK, tr.34)

1. Viết và trang trí bảng tên của em.



2. Viết các tên riêng có trong bài thơ *Những cái tên*.

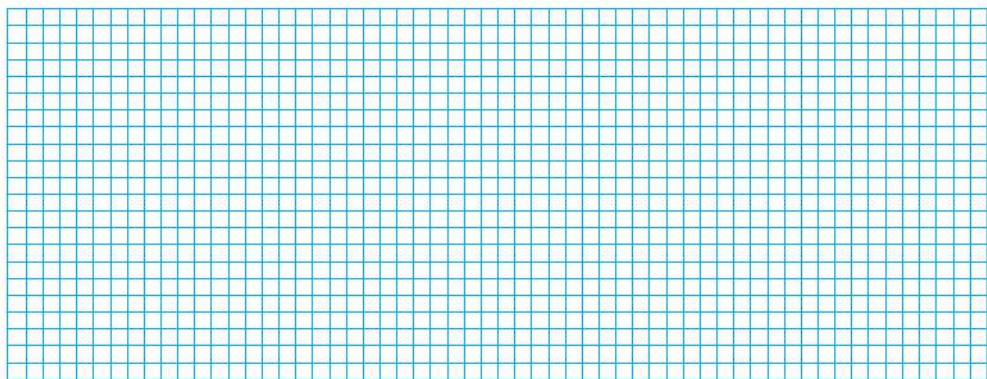


.....



.....

5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ghép được ở bài tập 4.



6. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về trẻ em.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Chân trời sáng tạo

Từ ngữ em thích:

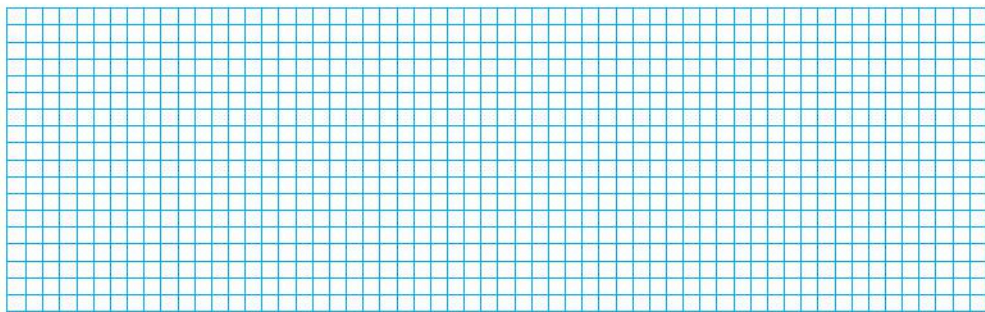
.....

.....

.....



3. Viết 1 – 2 câu nói về màu sắc của một vật.



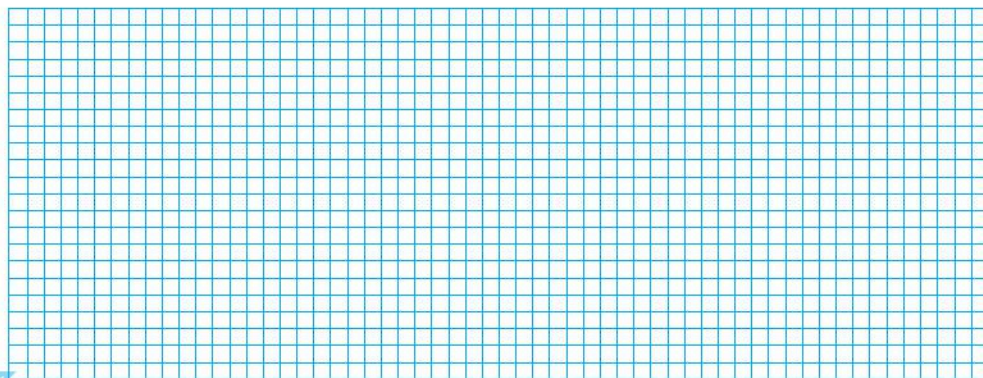
4. Tô màu đường về nhà của bộ rùa.



trời sáng tạo

Bài 2: Cánh đồng của bố (SGK, tr.45)

1. Nghe – viết: Bộ rùa tìm mẹ (từ đầu đến lạc đường).





2. Điền chữ **ng** hoặc chữ **nh** vào chỗ trống:

Bọ rùa mãi chơi nên lạc mẹ. Nóĩ ra cách vẽ hình mẹ để nhờ các bạn tìm giúp. Gặp ai điang qua nó cũng hỏi. Mãi vẫn không tìm được mẹ, nóồi phịch xuống, khóc òa lên.

Theo Gờ-ri-ben

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

- a. Công cha như (lúi, núi) Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một (lòng, nòng) thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới (là, nà)đạo con.

Ca dao

- b. Ngày nào em bé cón con
Bây giờ em (đả, đã) lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, (chủ, chữ) thầy
Kể sao cho bõ (những, những) ngày ước ao.

Ca dao

4. Viết từ ngữ có nghĩa phù hợp với mỗi dòng dưới đây:

a. Người sinh ra em.

b. Người sinh ra bố em.

c. Người sinh ra mẹ em.

5. Viết thêm 3 – 5 từ chỉ người trong gia đình. M: anh, em,...

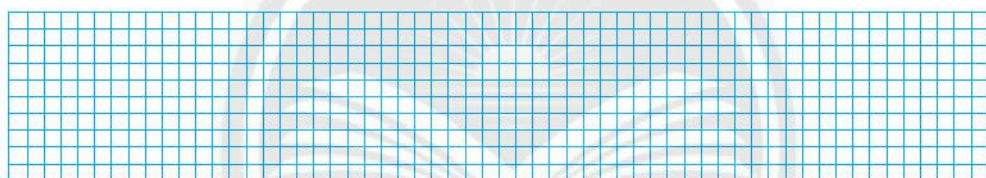
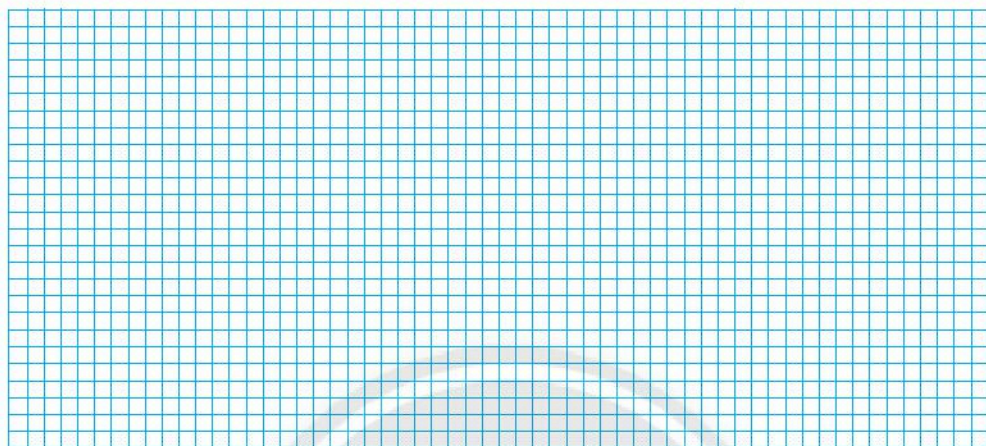
6. Viết 1 – 2 câu giới thiệu một người thân của em (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	là gì?
Bé Khuê	là em gái của mình.
.....
.....
.....
.....

7. Chọn một trong hai tình huống sau rồi viết tin nhắn báo cho người thân.

a. Em tới trường đá bóng với mấy bạn cùng lớp.

b. Em tới nhà bạn để học nhóm.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về gia đình.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Nhân vật:

.....
.....
.....

Đặc điểm:

.....
.....
.....



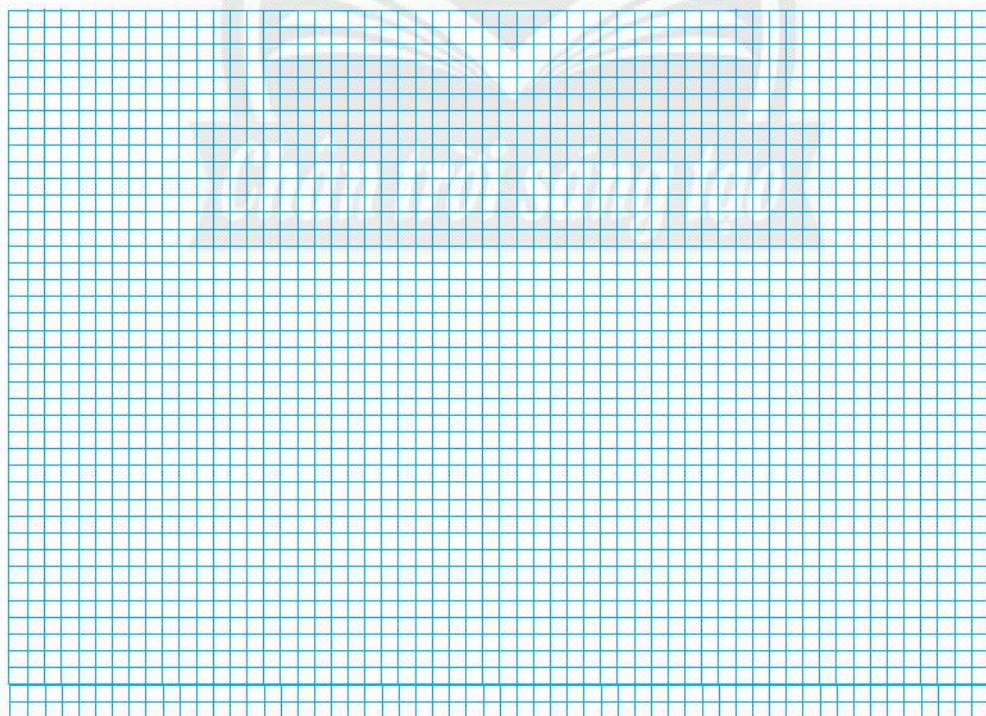
Bài 4: Con lợn đất (SGK, tr.53)

1. Nhìn – viết: Mẹ.

Mẹ

Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Trần Quốc Minh





Grid area for writing.

2. Viết tiếng bắt đầu bằng chữ **c hoặc chữ **k**:**

a. Trong bài chính tả.

Grid area for writing.

b. Ngoài bài chính tả. **M:** con kiến

Grid area for writing.

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Vẫn **i**u hoặc vẫn **ư**u.

quả l...đ... tr...ũ... cành r...ũ... rít

b. Chữ **d** hoặc chữ **v**.

chỉ ...ắ...nẩ...y tayổ...dành

4. Viết từ ngữ chỉ người trong gia đình. **M: ông bà, anh em,...**

Grid area for writing.

5. Chọn từ ngữ trong khung rồi điền vào chỗ trống:

bố mẹ, ông bà, chị em

Hằng ngày,
đi làm, còn tôi đi
học. Cuối tuần, bố mẹ đưa chúng
tôi đến thăm
Cả nhà quây quần vui vẻ.

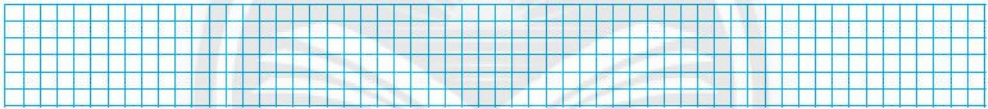


6. Ngắt đoạn văn sau thành 3 câu. Viết lại cho đúng chính tả.

Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi ông thường kể cho anh em tôi những câu chuyện thú vị chúng tôi rất yêu quý ông.



7. Dán một bức ảnh hoặc một bức tranh của gia đình em vào khung và đặt tên.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về gia đình.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

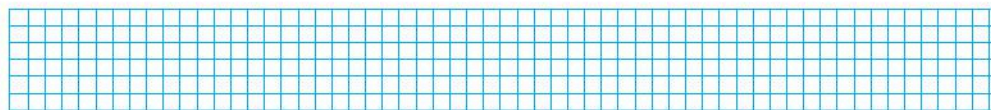
Tên bài đọc:

Tác giả:

Thông tin em thích:

.....
.....
.....

9. Vẽ con lợn đất. Đặt tên cho bức vẽ.



3. Tưởng tượng mình là bạn Vân trong bài *Cô chủ nhà tí hon*, viết lời cảm ơn ông.

Four blue hearts are arranged vertically on the left side of a dashed blue rectangular box. To the right of each heart is a horizontal dotted line, providing four lines of space for writing a letter of thanks.



Bài 2: Bưu thiếp (SGK, tr.61)

1. Nhìn – viết:

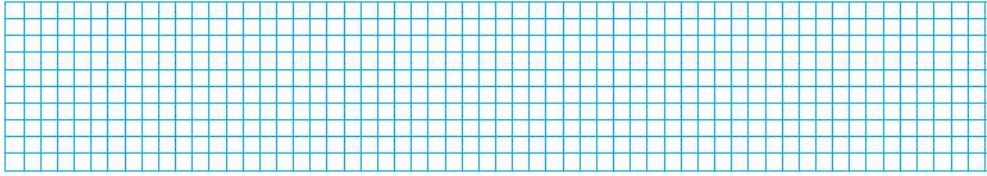
Ông tôi

Ông tôi đã già, thế mà không một ngày nào ông quên ra vườn. Tôi vẫn thường tha thẩn theo ông, khi xới đất, lúc tưới nước giúp ông. Tôi thầm mong sao cho ông tôi đừng già thêm nữa.

Chân trời sáng tạo

Phong Thu

A large rectangular area filled with a light blue grid pattern, intended for students to practice writing the text from the previous block.



2. Viết lời giải cho từng câu đố sau, biết rằng lời giải chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **ng hoặc chữ **ng**.**

- a. Con gì bốn vó
Ngực nở, bụng thon
Rung rinh chiếc bờm
Phi nhanh như gió?

Là con

- b. Con gì ăn cỏ
Đầu nhỏ chưa sừng
Cày cấy chưa từng
Đi theo trâu mẹ?

Là con

- c. Con gì có cổ khá dài
Giống như con vịt, có tài kêu to
Chân có màng, mắt tròn xoe
Khi ngã xuống nước chẳng lo chết chìm?

Là con

(3) Điền vào chỗ trống:

- a. Vẫn **iu** hoặc vẫn **ưu**.

tr..... mển d.,..... dàng điểm

- b. Chữ **g** hoặc **r**.

rõàng ọn ghẽ ú rít

- 7. Viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về gia đình.**



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Hình ảnh em thích:

.....
.....



Bài 3: Bà nội, bà ngoại (SGK, tr.66)

- 1. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm trong mỗi dòng sau:**

- a. ông bà, dạy bảo, khuyên nhủ, chăm sóc
- b. kính yêu, thương yêu, vui chơi, quý mến

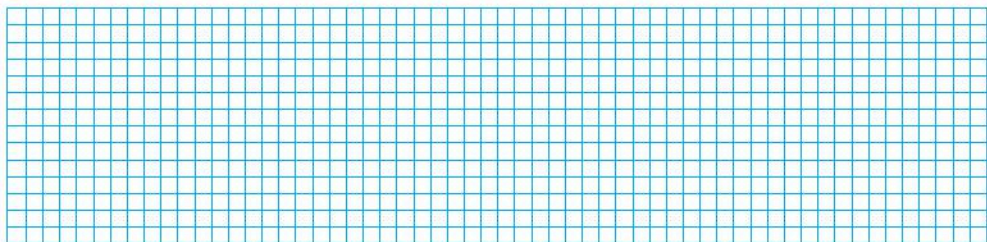
- 2. Sắp xếp lại các từ ngữ trong mỗi câu dưới đây để viết thành câu mới.**

M: Mẹ yêu con. → Con yêu mẹ.

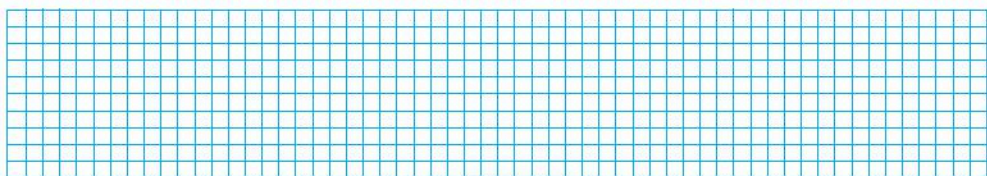
- a. Con cháu chăm sóc ông bà.

- b. Cháu thương yêu ông bà.

3. Viết 1 – 2 câu nói về tình cảm gia đình.

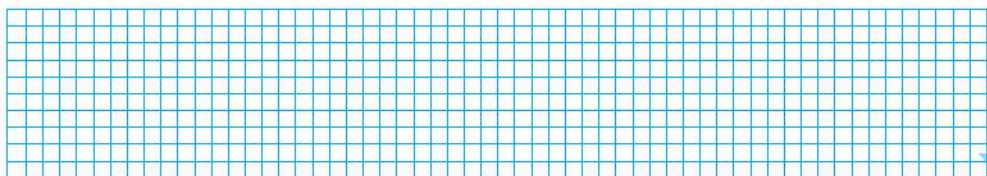
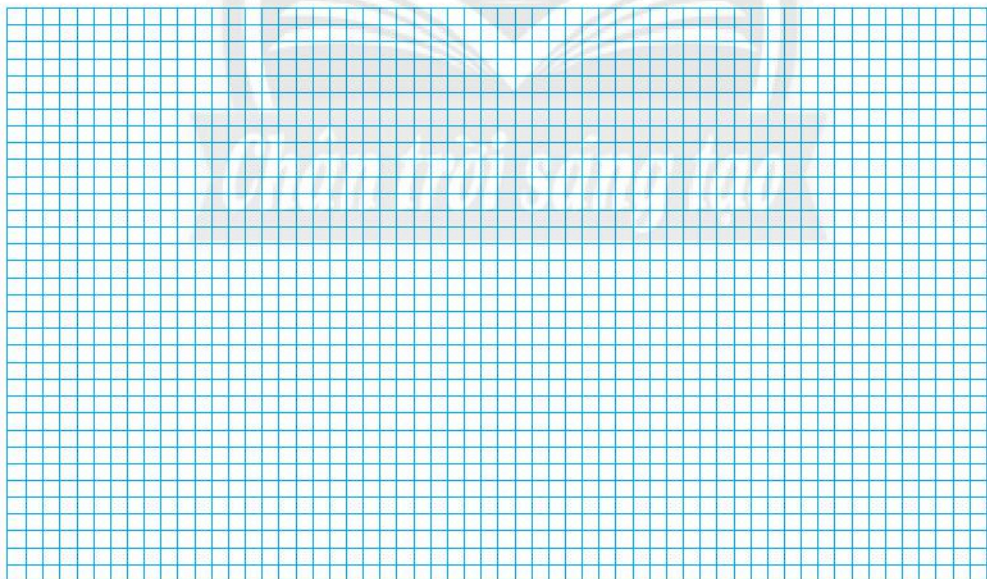


4. Viết tên những người thân trong gia đình em.



Bài 4: Bà tôi (SGK, tr.69)

1. Nghe – viết: Bà tôi (từ Tối nào đến hết).



2. Viết tên người thân theo thứ tự bảng chữ cái.

--

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chữ **l** hoặc chữ **n**.

Ngọt ngàoời ru của mẹ

Cánh cò cõngắng lượn bay

Mênh mông đồng xanh sắcúa

Ơi à... giấc ngủ thật say.

Theo Phạm Hải Lê

b. Vần **uôn** hoặc vần **uông** và thêm dấu thanh (nếu cần).

M..... vì sao còn ngủ

Ch..... đồng hồ chưa rung

Nhưng bà l..... dậy sớm

Pha nước trà cho ông.

Theo Nguyễn Lãm Thắng

4. Viết 2 – 3 từ ngữ:

a. Có tiếng **chăm**. **M:** chăm sóc

--

b. Có tiếng **thương**. **M:** thương yêu

--

5. Chọn ở mỗi nhóm một từ để viết thành câu.



M: Ông bà chăm sóc cháu.

A large grid of blue lines on a white background, intended for writing the answer to question 5.

6. Viết 2 – 3 câu nói về tình cảm của cháu đối với ông bà.

A large grid of blue lines on a white background, intended for writing the answer to question 6.

7. Viết bưu thiếp chúc mừng sinh nhật một người thân dựa vào gợi ý:

- a. Em sẽ viết bưu thiếp gửi cho ai?
- b. Em viết bưu thiếp đó nhân dịp gì?
- c. Em sẽ viết những nội dung gì trong bưu thiếp?

.....

.....


.....

.....

.....

.....

.....



8. Viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về gia đình.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Hình ảnh đẹp:

.....

.....

.....



ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

(Tuần 9)

Ôn tập 1 (SGK, tr.74)

1. Viết tên bài đọc có nhân vật trong mỗi bức tranh dưới đây:



2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một nhân vật em thích ở bài tập 1.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên câu chuyện:

Tên nhân vật:

.....
.....
.....

Điều em thích ở nhân vật:

.....
.....
.....



Ôn tập 2 (SGK, tr.75)

1. Viết tên bài đọc phù hợp với mỗi thông tin và hình ảnh dưới đây:

Bước 1: Vẽ hình dạng bưu thiếp theo ý thích, cắt theo đường đã vẽ.



7 giờ 30 – 10 giờ 30:

Học ở trường

(Thứ Bảy, Chủ nhật:
Tham gia Câu lạc bộ
Bóng đá)



Khi nghe tiếng
tôi khóc, bố thốt
lên sung sướng:
"Trời ơi, con tôi!".

Cái đồng hồ
tích tắc, tích
tắc báo phút,
báo giờ.



Chân trời sáng tạo

2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một thông tin em thấy thú vị trong bài đọc ở bài tập 1.

PHIẾU ĐỌC SÁCH



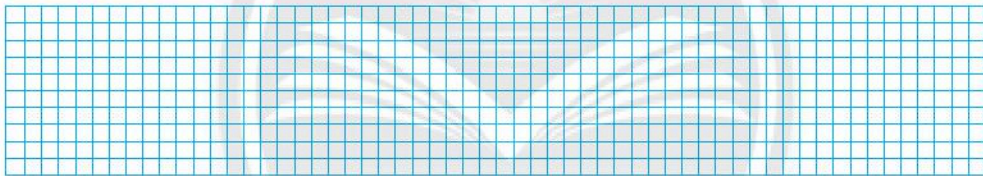
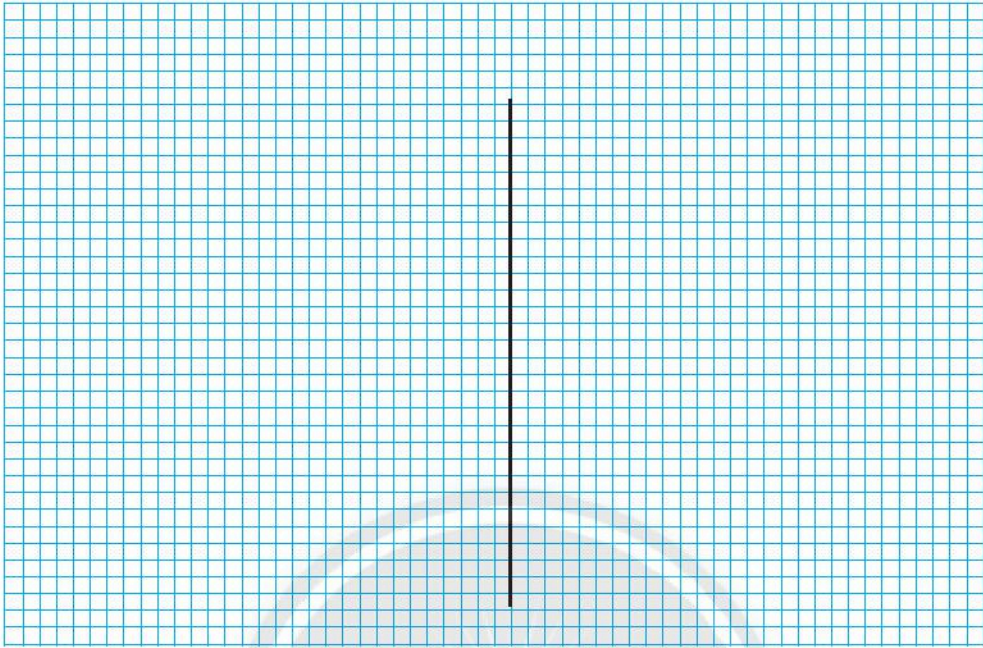
Tên bài đọc:

Tác giả:.....

Thông tin thú vị:

.....
.....

3. Nghe – viết: *Gánh gánh gồng gồng* (SGK, tr.76).



4. Điền chữ **ng** hoặc chữ **nh** vào chỗ trống:

.....ày còn nhỏ, tôi thườngồi trong lòng bà,e kể chuyệnày xưa.

(5) Điền vào chỗ trống hoặc chữ in đậm:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

....ăm sóc

....ông nom

chiềuuộng

kínhọng

b. Dấu **hỏi** hoặc **dấu ngã**.

chia **se**

ngâm nghĩ

săn sàng

cam động



Ôn tập 3 (SGK, tr.77)

1. Dựa vào SGK, tr.77, viết từ ngữ phù hợp với mỗi hình và tên bài thơ vào chỗ trống:

a.

.....

Lời ru có gió mùa thu



..... mẹ quạt mẹ đưa gió về

Những  thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

b.

.....

Tên cùng em ra 

Tên theo em đến 

Như viên ngọc vô hình

Tên không rơi, không mất.

c.

.....

– Ngày hôm qua ở lại

Trong hạt lúa mẹ trồng



..... chờ gặt hái

Chín  màu ước mong.

d.

.....

Bà ngoại chăm làm vườn

Vườn bà bao nhiêu 

Yêu cháu, bà trồng 

Chẳng nghĩ mình cao tuổi.

2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về hình ảnh em thích trong một bài thơ ở bài tập 1.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Hình ảnh em thích:

.....
.....
.....



Ôn tập 4 (SGK, tr.79)

1. Viết tên bài đọc có các từ ngữ dưới đây:

trán dô, má phính

.....

nụ cười hiền hậu, giọng ấm áp

.....

mắt đen lay láy, bụng phệ

.....

không có hình dáng, màu sắc

.....



2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về đặc điểm em thích ở người hoặc vật có trong một bài đọc ở bài tập 1.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

<p>Tên người hoặc vật:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Đặc điểm em thích:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
---	--

3. Viết 3 từ ngữ:

a. Chỉ sự vật.

--

b. Chỉ hoạt động.

--

c. Chỉ đặc điểm.

--

4. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 3.

--

5. Phân loại các câu sau vào 2 nhóm:

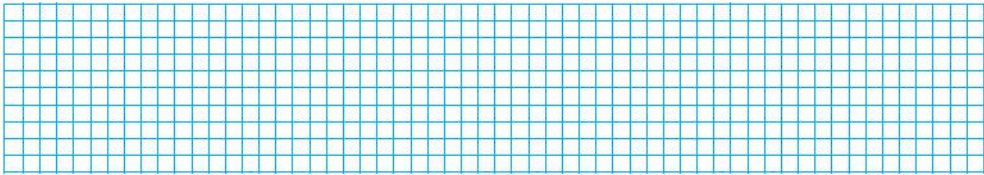
Bố em là thủy thủ.

Em bé đang chơi xếp hình.

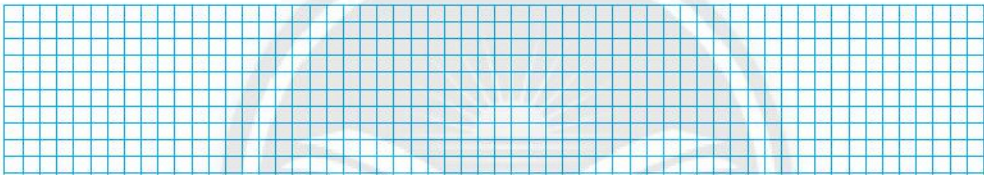
Mẹ em đang làm bánh.

Anh trai em là sinh viên.

a. Câu giới thiệu.

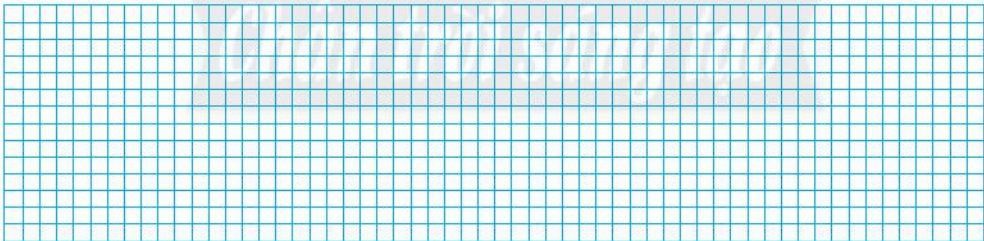


b. Câu chỉ hoạt động.

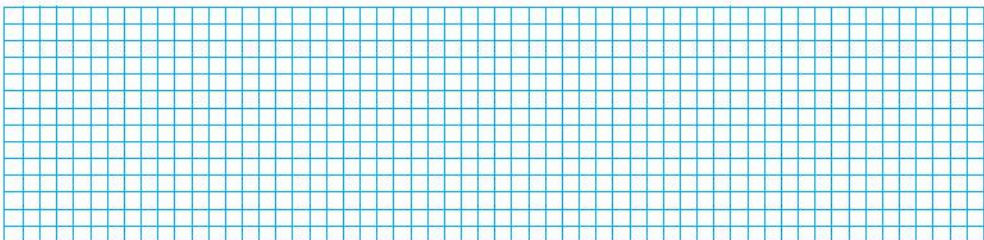


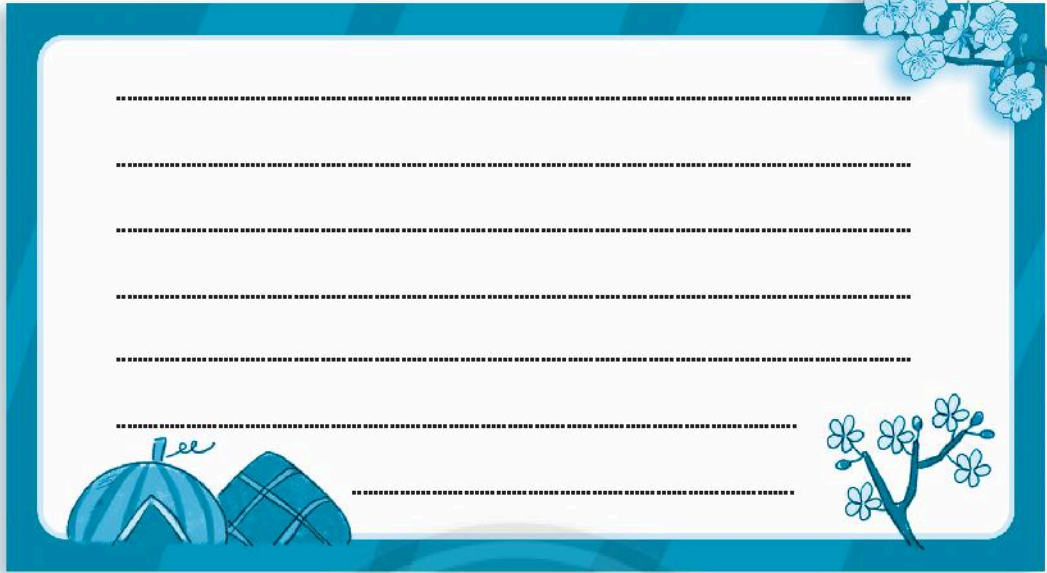
6. Viết 1 – 2 câu:

a. Giới thiệu một người thân của em.



b. Về hoạt động của một người thân.





.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một truyện em thích.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật em thích:

.....

.....

.....

.....

Lí do em thích:

.....

.....

.....

.....

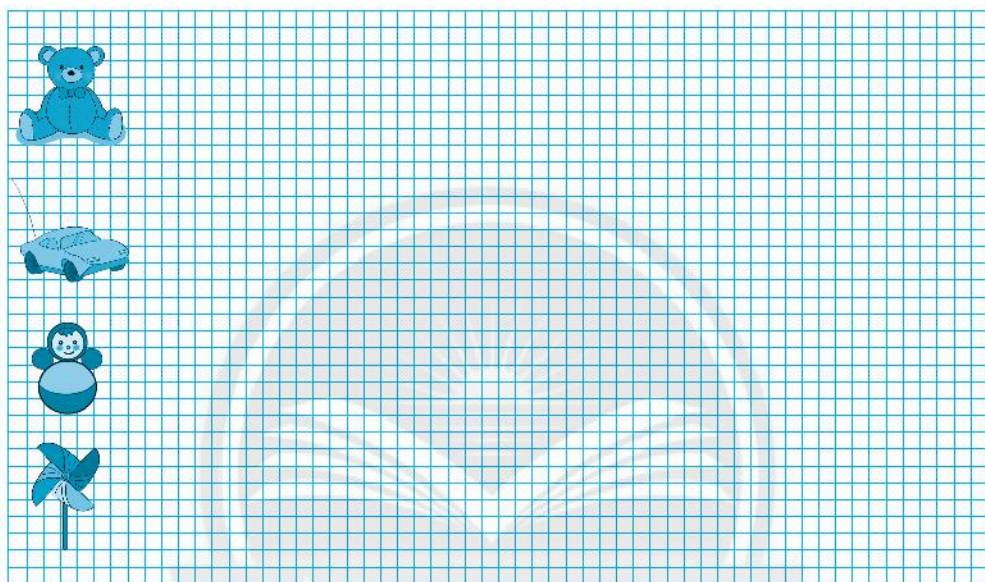


NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ

(Tuần 10 – 11)

Bài 1: Cô chủ không biết quý tình bạn (SGK, tr.82)

1. Dựa vào SGK, tr.84, viết từ ngữ chỉ màu sắc từng bộ phận của mỗi đồ vật.



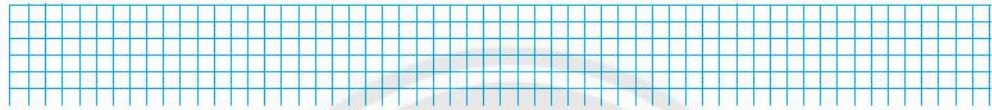
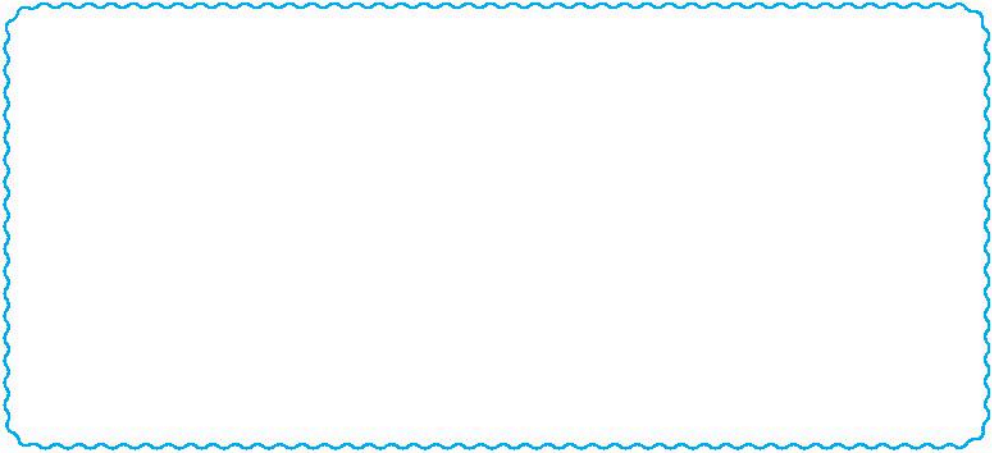
2. Đánh dấu ✓ vào trước câu đúng để hỏi về con lật đật.

- Con lật đật trông thật đáng yêu.
 Con lật đật thế nào?
 Con lật đật lắc la lắc lư.

3. Điền dấu câu phù hợp vào .

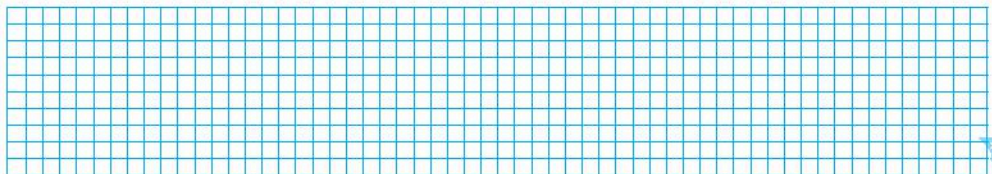
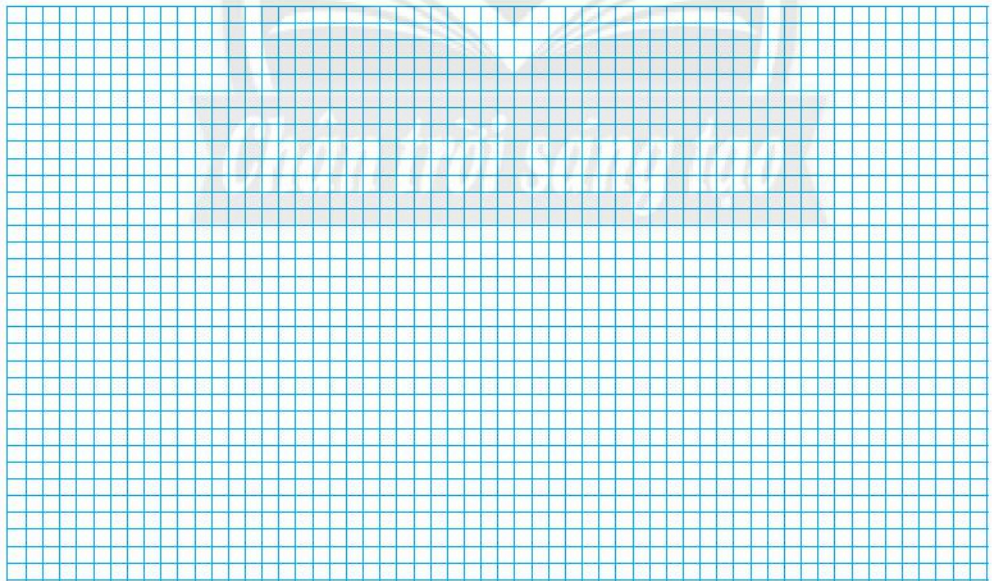
- a. Chiếc xe hơi có màu gì
b. Chong chóng quay thế nào
c. Chiếc nơ ở cổ chú gấu bông rất xinh

4. Vẽ một con vật nuôi em thích. Đặt tên cho bức vẽ.



Bài 2: Đồng hồ báo thức (SGK, tr.85)

1. Nghe – viết: Đồng hồ báo thức (từ Tôi đến nhịp phút).



2. Điền tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k** vào chỗ trống:



..... khung



..... giấy



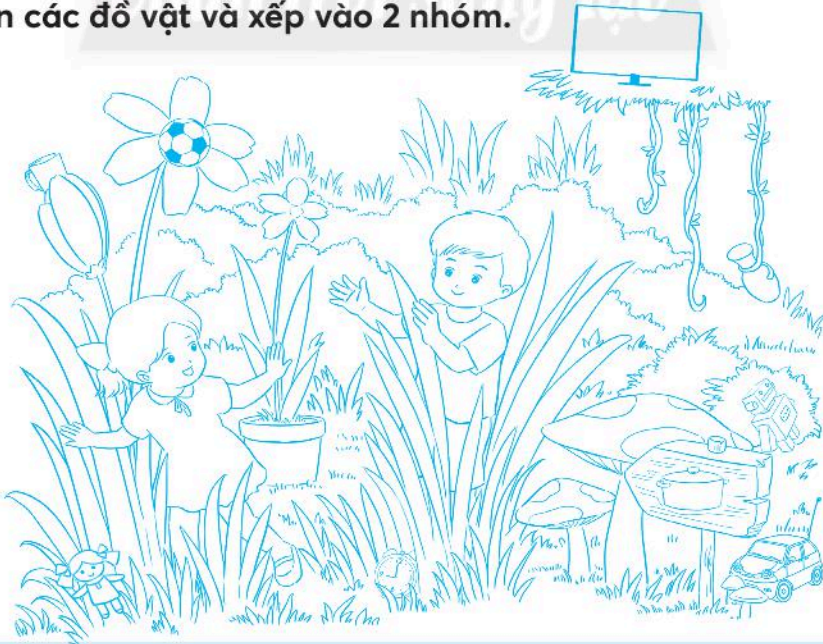
..... tên

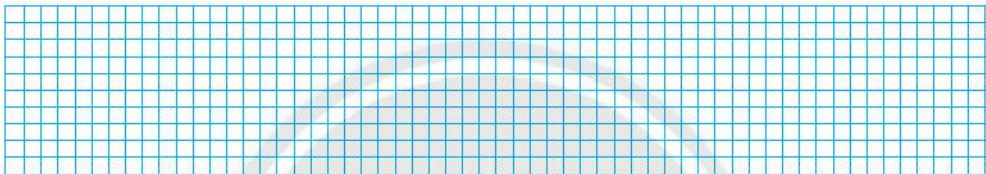
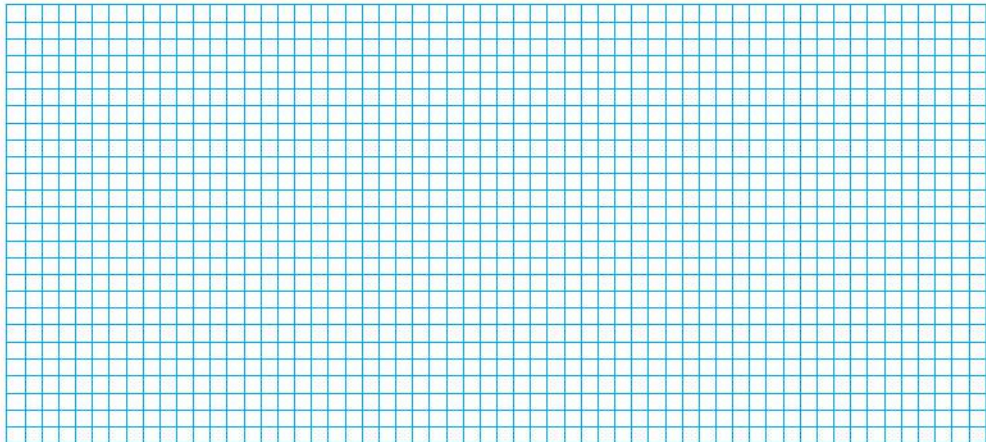
(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (bảy, bầy):	đòn	thứ
(bày, bầy): chim	trưng
(cày, cây):	máy hương

b. (bạc, bặt): cửa	nổi.....
(bắc, bặt):	gió ngờ
(nhắc, nhất):	hạng chân

4. Khoanh tròn các đồ vật giấu trong tranh. Viết từ ngữ gọi tên các đồ vật và xếp vào 2 nhóm.





7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về đồ vật hoặc con vật.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tên đồ vật hoặc con vật:

.....

Đặc điểm:

.....
.....
.....

Hoạt động:

.....
.....
.....



Bài 3: Đọc trong nhà (SGK, tr.90)

1. Gạch 1 gạch dưới từ ngữ chỉ màu sắc, 2 gạch dưới từ ngữ chỉ hình dáng có trong đoạn văn dưới đây:

Nhân dịp sinh nhật, bố mua tặng Kiên một bộ xếp hình bằng gỗ. Kiên mê tí những khối gỗ đủ màu sắc, hình dáng. Khối tam giác xanh lá, khối tròn đỏ thẫm, khối vuông xanh lơ và khối chữ nhật vàng tươi. Từ những khối gỗ nhỏ xinh ấy, Kiên xếp được rất nhiều ngôi nhà đẹp.

2. Viết 1 – 2 câu về đồ chơi em thích (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	thế nào?
Viên bi	tròn xoe.
.....
.....
.....

3. Tô màu đường về nhà. Viết tên các vật em thấy trên đường đi.



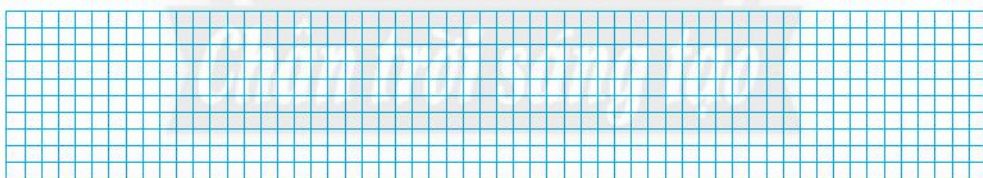
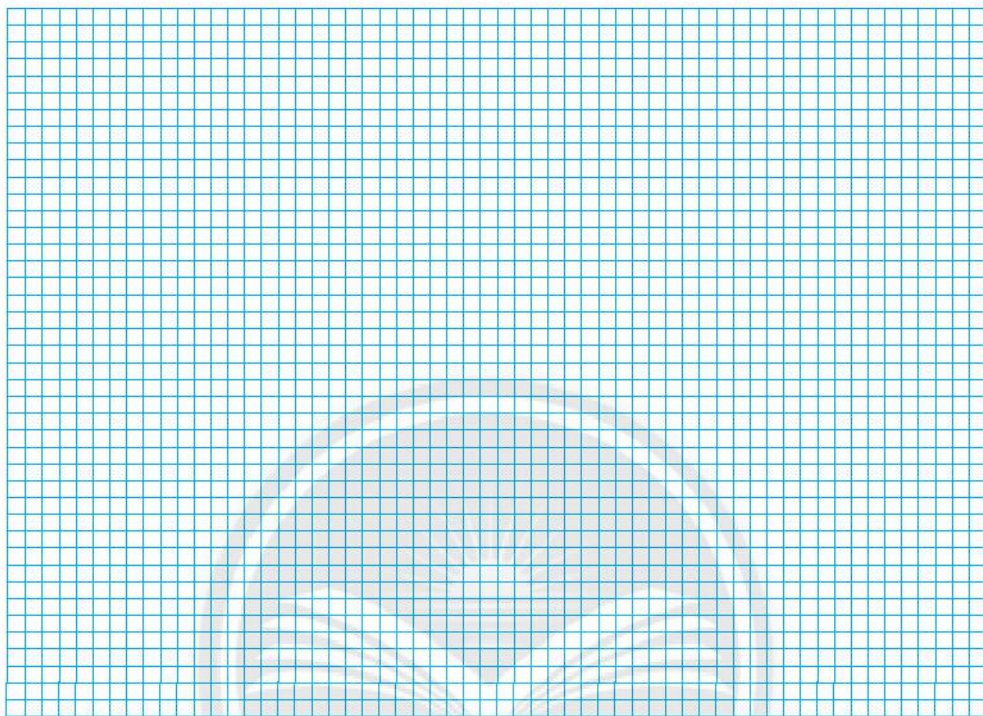
.....
.....

.....
.....

.....
.....

Bài 4: Cái bàn học của tôi (SGK, tr.93)

1. Nghe – viết: *Chị tẩy và em bút chì* (SGK, tr.94).



2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k** gọi tên từng sự vật, hoạt động dưới đây:



















.....

.....

.....

(3) Nối.

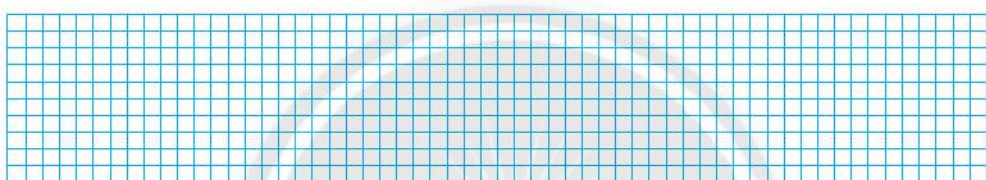
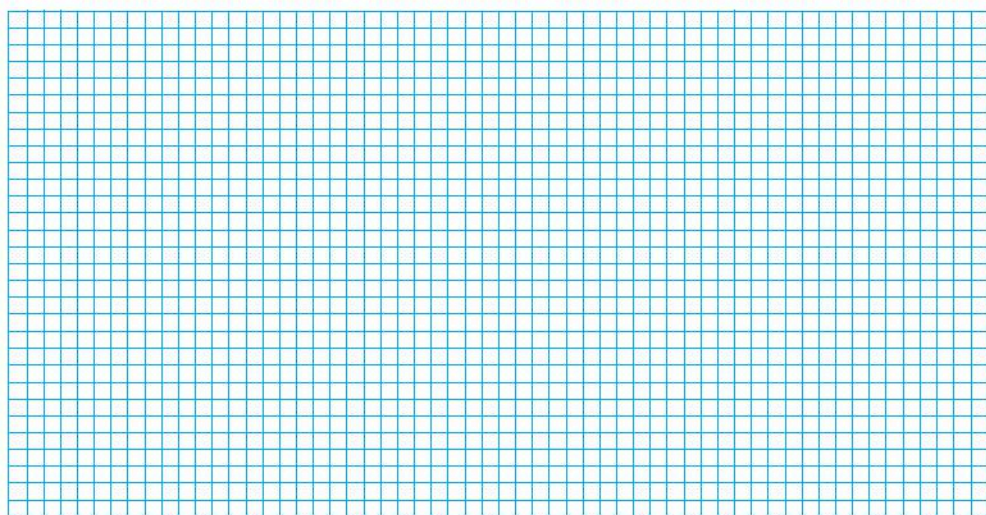
a.		
		
		
		

b.		
		
		
		

4. Giải ô chữ sau:

1. Đồ vật có dây hoặc bàn phím khi đánh phát ra tiếng nhạc.
2. Đồ vật có lòng sâu, để nấu thức ăn.
3. Đồ vật để uống nước, có quai, thành đứng.
4. Đồ vật để quét nhà, sân,...
5. Đồ vật thường làm bằng vải, lụa, để cài hoặc buộc tóc.
6. Đồ vật thường làm bằng nhựa, khi thổi hoặc ấn vào thì phát ra tiếng để báo hiệu.

1	M:	Đ	À	N				
2								
3				C				
4								
5								
6								



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về đồ vật hoặc con vật.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tên đồ vật hoặc con vật:
.....

Đặc điểm:
.....
.....
.....

Ích lợi hoặc công dụng:
.....
.....
.....



NGÔI NHÀ THỨ HAI

(Tuần 12 – 13)

Bài 1: Bàn tay dịu dàng (SGK, tr.98)

1. Đóng vai các bạn trong lớp, viết lời an ủi, động viên bạn An.

.....

.....

.....

.....

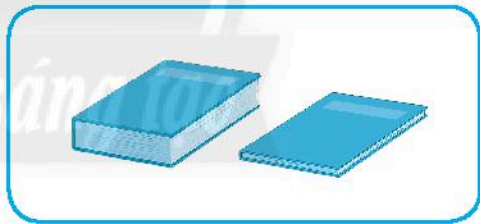
.....



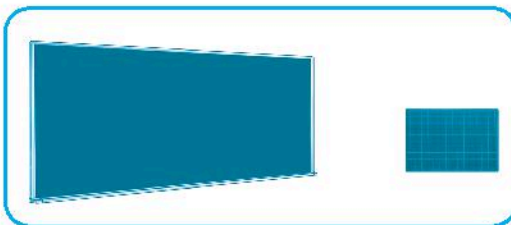
2. Dựa vào SGK, tr.100, viết cặp từ phù hợp với từng bức tranh dưới đây:



M: dài – ngắn



.....



.....



.....

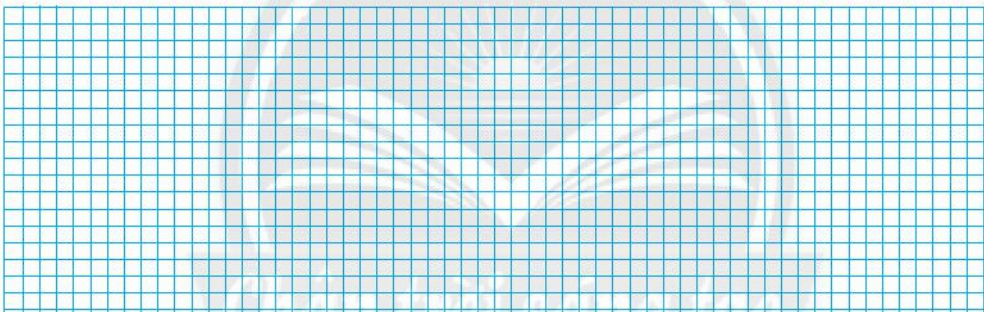
3. Đánh dấu ✓ vào trước câu thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi thấy chiếc bàn học mới.

- Cái bàn học rất mới.
- Cái bàn học mới hay cũ?
- Ô, cái bàn học mới quá!

4. Điền dấu câu phù hợp vào .

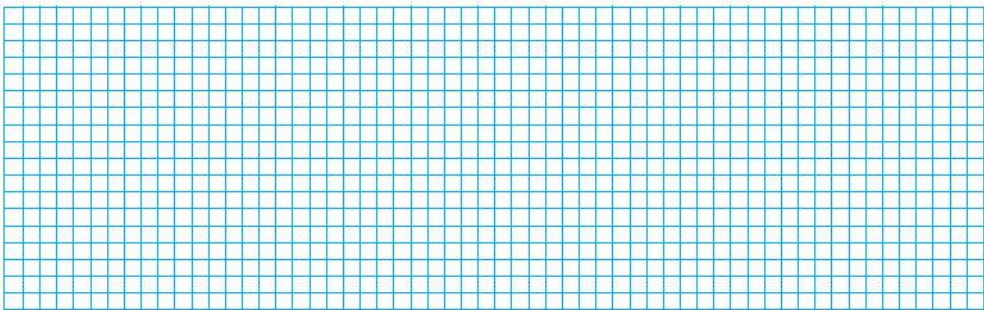
- a. Chà, tảng đá nặng ghê
- b. Quyển sách này hơi mỏng
- c. A, phòng học mới rộng quá
- d. Cái thước kẻ dài của bạn nào nhỉ

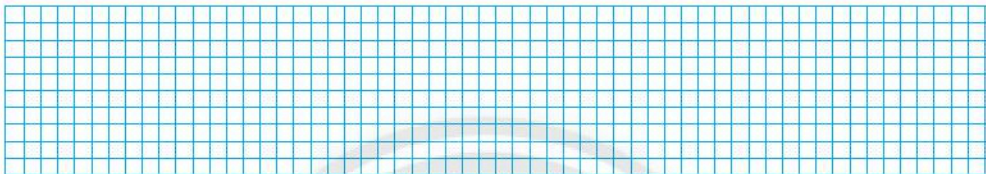
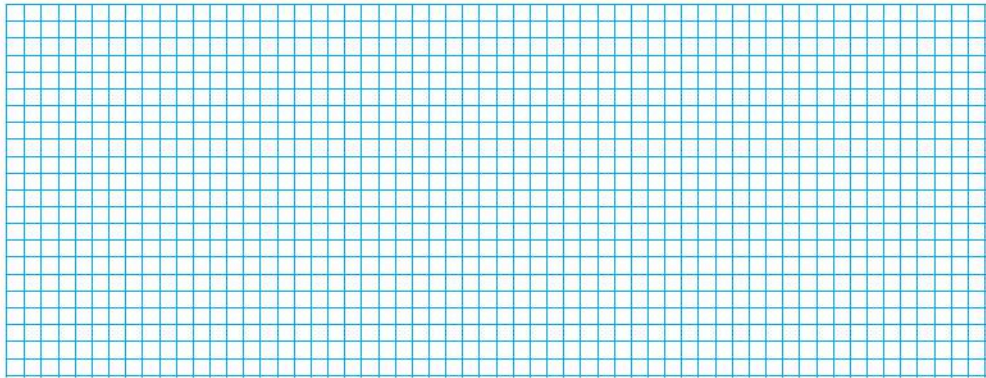
5. Viết các câu thể hiện cảm xúc ở bài tập 4.



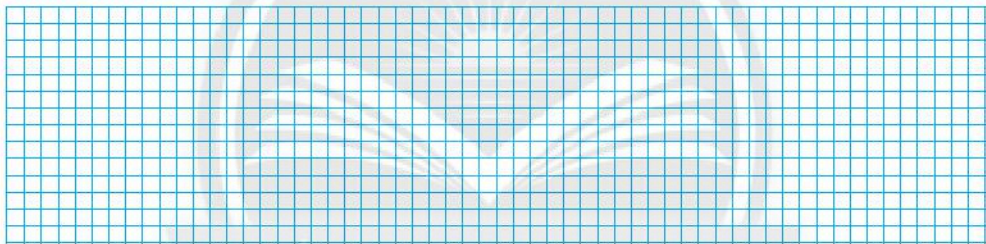
Bài 2: Danh sách tổ em (SGK, tr.101)

1. Nghe – viết: Bàn tay dịu dàng (từ Khi thấy đến gần đến thương yêu).





2. Viết tên 3 bạn trong nhóm em theo thứ tự bảng chữ cái.



(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (**chanh**, **tranh**): Bức vẽ con chim sẻ đậu trên
cành cây

(**chưa**, **trưa**): nay bé đã ăn cơm

b. (**mặc**, **mặt**): Buổi sáng, bé rửa, chải đầu,
quần áo mới rồi đi học.

(**đặc**, **đặt**): Mẹ tô cháo sánh, thơm ngon
lên bàn ăn.

4. Gạch dưới từ ngữ chỉ các khu vực ở trường có trong đoạn văn dưới đây:

Buổi học đầu tiên, Lương dẫn Mai đi quanh trường. Em giới thiệu cho bạn phòng đọc sách, phòng y tế, nhà bếp và sân bóng. Nơi nào cũng rộng rãi và thoáng mát.

Cẩm Tú

5. Viết thêm 2 – 3 từ ngữ:

a. Chỉ các nơi học tập, làm việc ở trường.

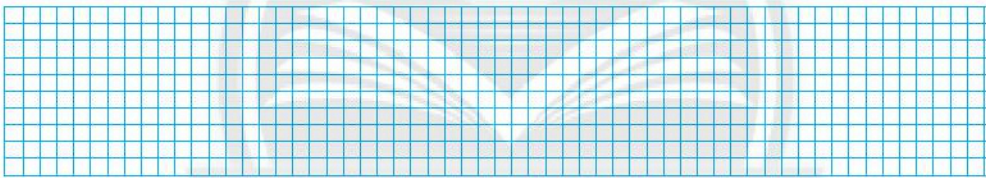
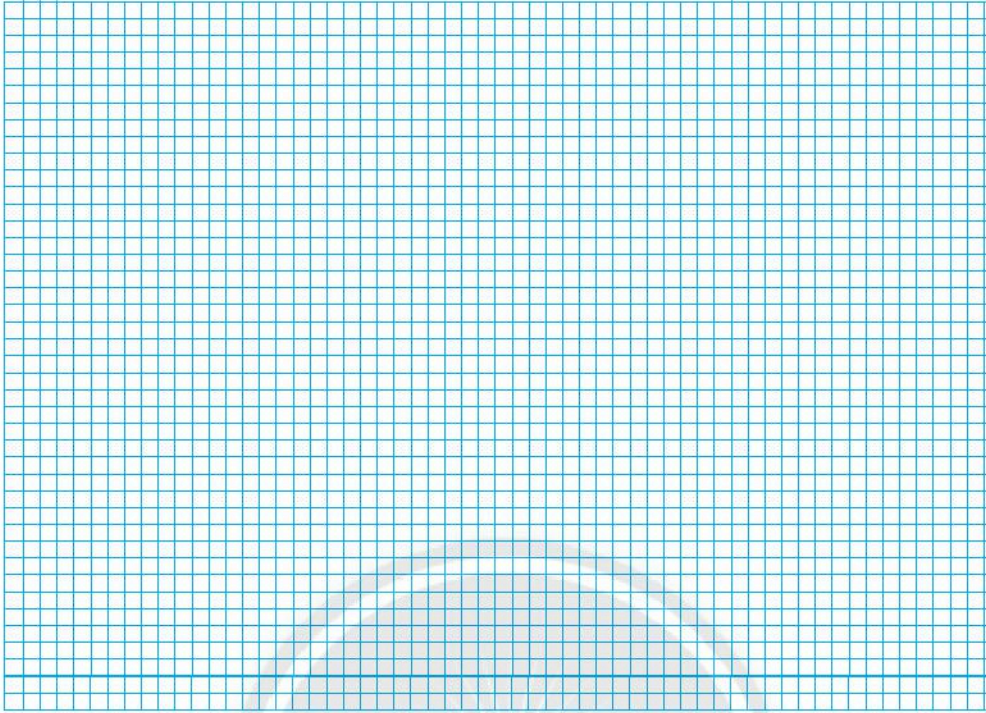
b. Chỉ những người làm việc ở trường.

6. Viết 1 – 2 câu để giới thiệu về:

a. Một khu vực học tập ở trường mà em thích.

M: Thư viện là nơi có rất nhiều sách hay.

b. Một môn học em yêu thích.



9. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về trường học.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Từ ngữ hay:

.....
.....
.....

Vần thơ:

.....
.....
.....

10. Lập danh sách nhóm hoặc tổ em.

Số thứ tự	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh
1
2
3
....
....
....
....
....




Chân trời sáng tạo

Bài 3: Yêu lắm trường ơi! (SGK, tr.106)

1. Viết lời yêu thương của em gửi đến thầy cô và những người làm việc ở trường.

.....
.....
.....
.....



2. Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn văn dưới đây:

Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp lánh trong cây.

Ngô Quân Miện

3. Viết thêm 2 – 3 từ ngữ chỉ đặc điểm của ngôi trường em đang học.

.....
.....
.....
.....

4. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ở bài tập 2 hoặc bài tập 3.

.....
.....
.....
.....



Bài 4: Góc nhỏ yêu thương (SGK, tr.109)

1. Nghe – viết: Ngôi trường mới (SGK, tr.110).

Grid area for writing the text "Ngôi trường mới".

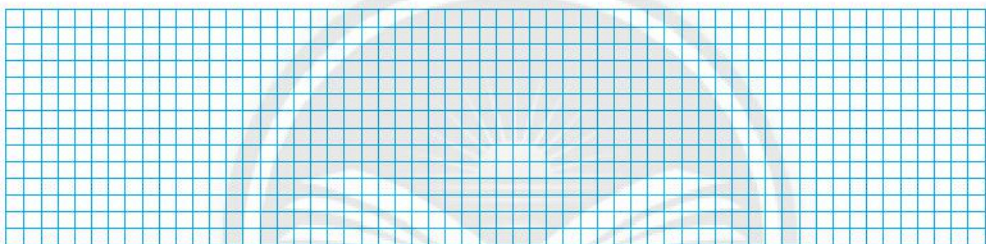
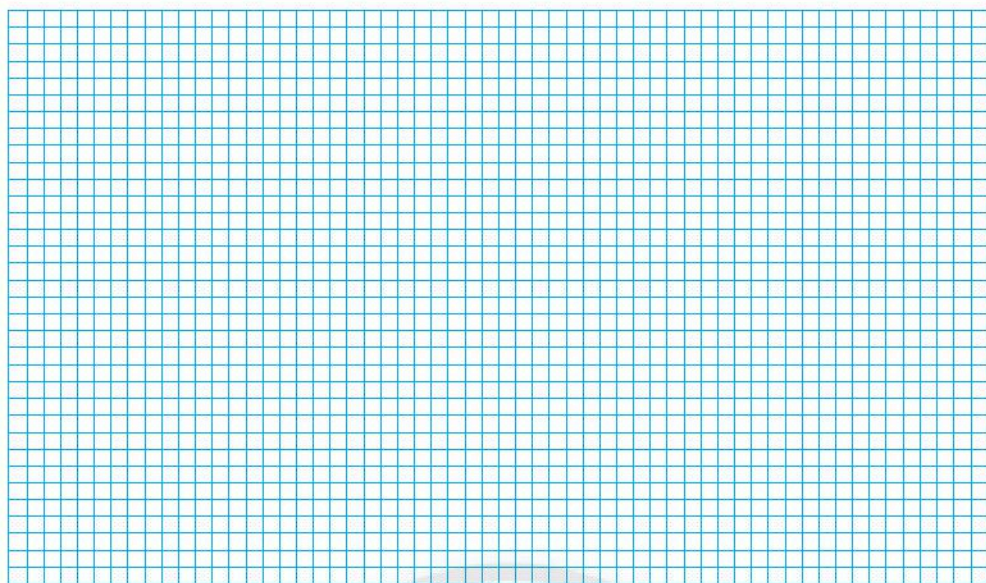


Grid area for writing the text "Ngôi trường mới".

2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh** để gọi tên đồ vật trong bức tranh dưới đây:



Grid area for writing words starting with 'g' or 'gh' based on the illustration.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về trường học.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Hình ảnh đẹp:

.....
.....
.....



BẠN THÂN Ở TRƯỜNG

(Tuần 14 – 15)

Bài 1: Chuyện của thước kẻ (SGK, tr.114)

1. Viết lời giải cho từng câu đố sau:

Nhỏ như cái kẹo
Đẻo như bánh giầy
Học trò ngày ngày
Vẫn dùng đến tở.

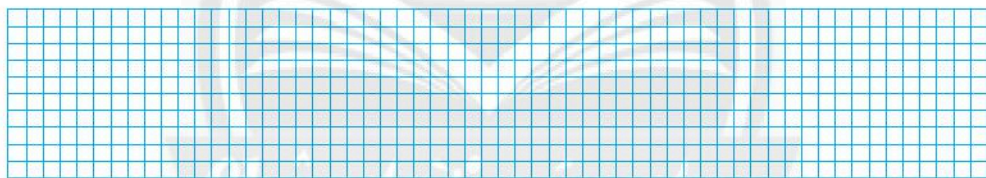
Da tôi màu trắng
Bạn cùng bảng đen
Hãy cầm tôi lên
Tôi làm theo bạn.

Là

Là

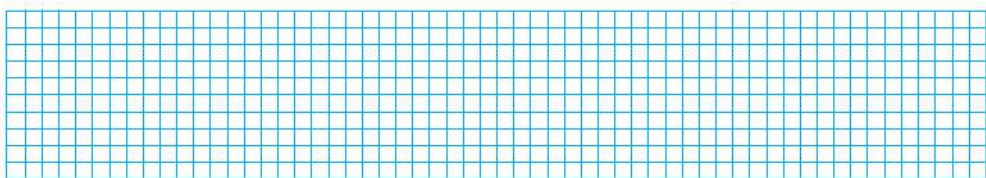
2. Viết 3 – 4 từ ngữ chỉ đồ vật và màu sắc của đồ vật đó.

M: bảng – đen



3. Viết 2 – 3 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 1 hoặc bài tập 2.

M: Em thích quả bóng nhựa màu xanh.

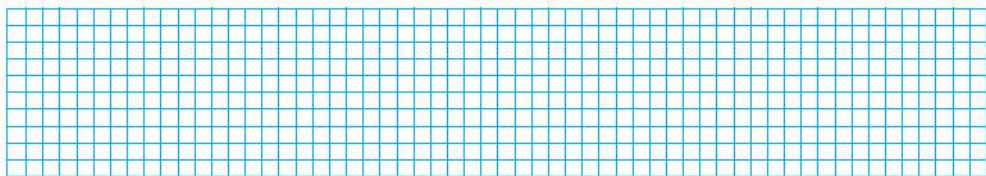


4. Viết câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:

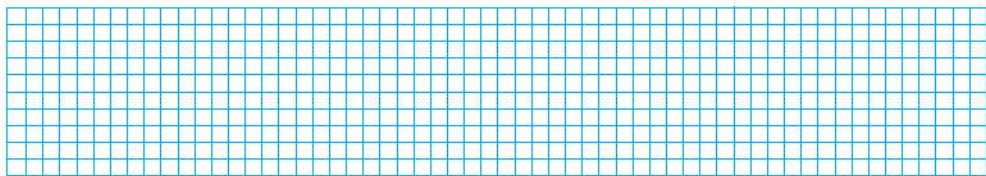
M: – Cái bảng của lớp em sơn màu **đen**.

→ Cái bảng của lớp em sơn **màu gì?**

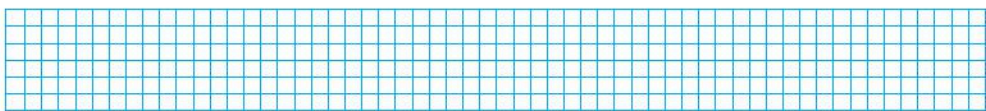
a. Thân trống sơn màu **đỏ**.



b. Mẹ mua cho em cái giá sách màu **nâu**.

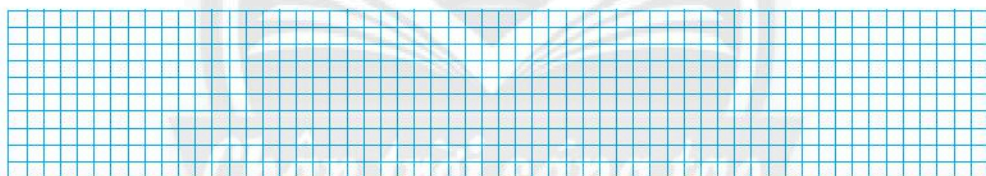
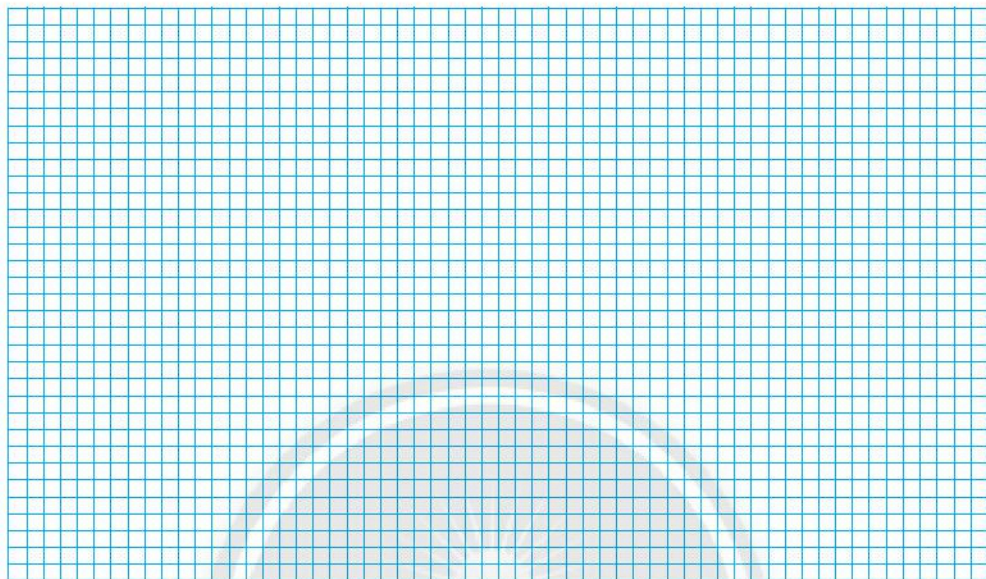


5. Vẽ một đồ dùng học tập em thích. Đặt tên cho bức vẽ.



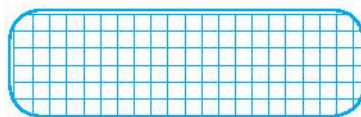
Bài 2: Thời khoá biểu (SGK, tr.117)

1. Nghe – viết: *Chuyện của thước kẻ* (từ đầu đến cả ba).

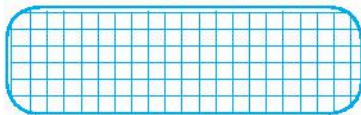


2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh** dùng để chỉ:

a. Một loại quả vỏ có gai, khi chín màu đỏ, thường dùng để nấu xôi.



b. Con vật thường gáy báo hiệu ngày mới.



c. Con vật gần giống cua biển, vỏ có hoa, càng dài.



(3) Điền vào chỗ trống. Viết lời giải cho từng câu đố sau:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

.....ở phải ảnh,ở phảianh

Mà ai xem cũng thấy mình ởong.

Là

b. Vần **ao** hoặc vần **au** và thêm dấu thanh (nếu cần).

Đi đâu cũng phải có nh.....

Một phải, một trái không b..... giờ rời

Cả hai đều mến yêu người

Theo chân đi khắp b..... nơi xa gần.

Là

4. Giải ô chữ sau:

1. Bảng liệt kê các môn học của từng ngày trong tuần.
2. Hoạt động di chuyển nhanh bằng chân.
3. Vật có dạng thỏi, viên dùng để viết, vẽ lên bảng.
4. Vật dùng để viết, kẻ, vẽ.
5. Vật dùng để thấp sáng, soi sáng.

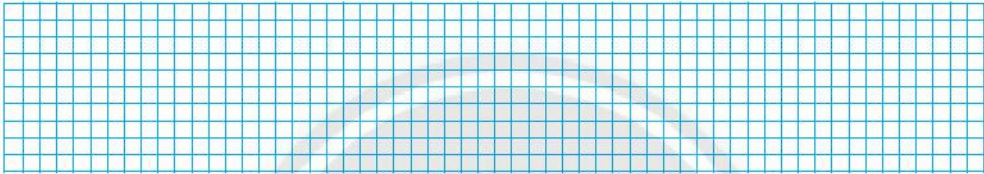
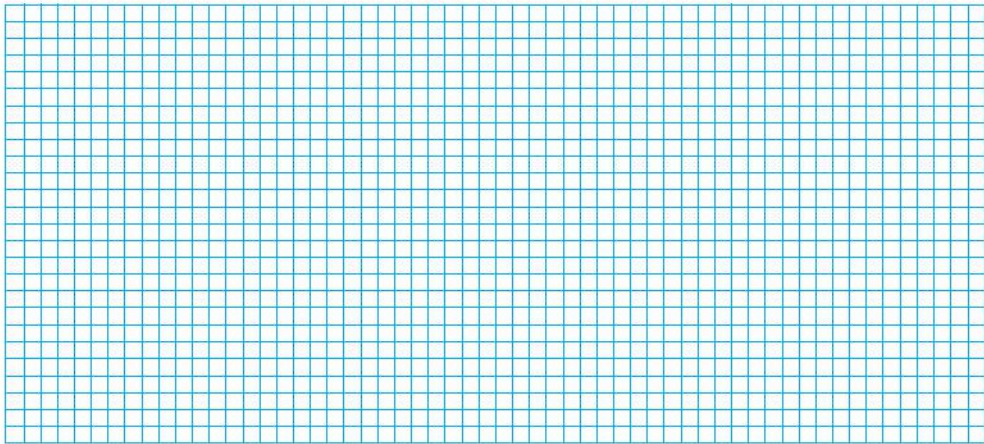
1 M: T H Ò I K H O Á B I Ế U

2 C H

3 P H

4

5



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về bạn bè.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật:

Đặc điểm:

.....
.....
.....

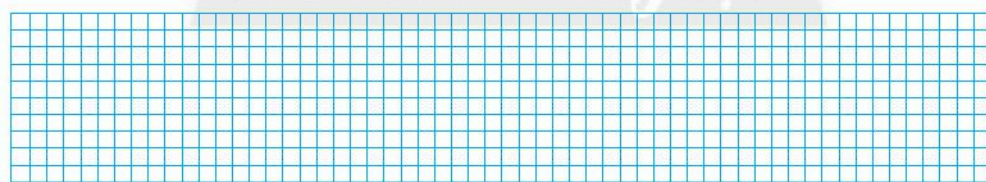
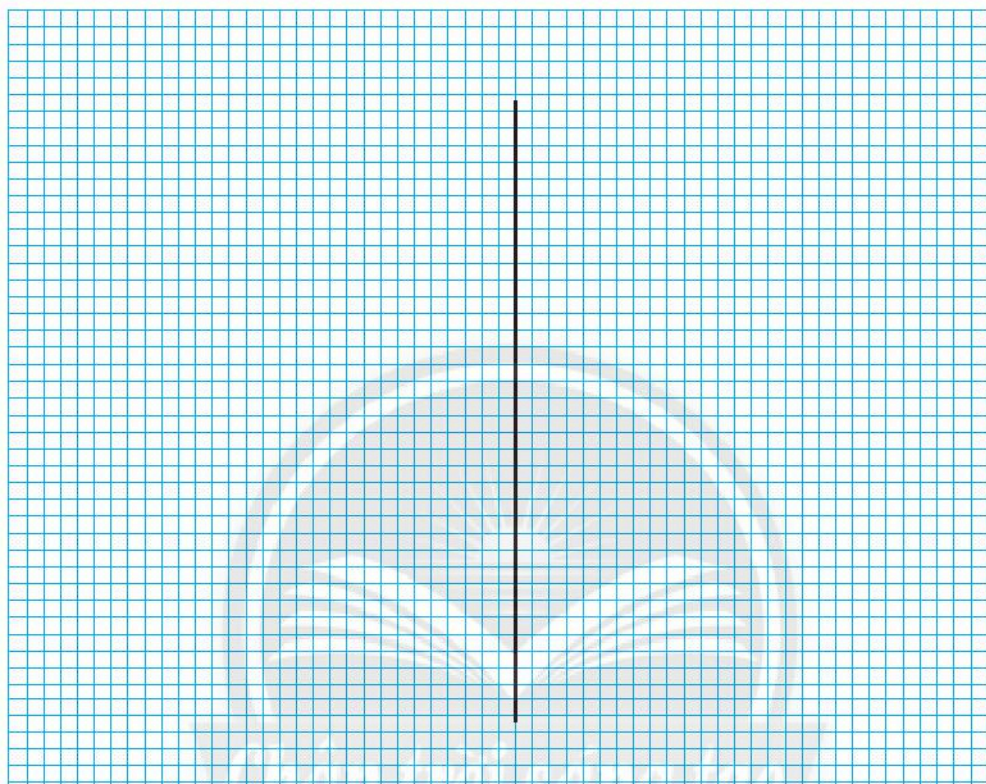
Điều em thích:

.....
.....
.....



Bài 4: Bạn mới (SGK, tr.125)

1. Nghe – viết: *Mỗi người một vẻ* (SGK, tr.126).



2. Viết lời giải cho từng câu đố sau, biết rằng lời giải chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh**.

Bốn chân mà chỉ ở nhà
Khi nào khách đến kéo ra mời ngồi.

Là

Lắp la lấp lánh
 Treo ở trên tường
 Trước khi đến trường
 Bé soi chải tóc.
 Là

(3) Điền vào chỗ trống và thêm dấu thanh (nếu cần):

a. Văn **ay** hoặc văn **ây**.

Điều no gió b.....
 Chim hót xanh c.....
 Mùa thu quả chín
 Trời trong nắng đ.....

Theo Đặng Vương Hưng

b. Văn **an** hoặc văn **ang**.

Chuồn chuồn đi đón cơn mưa
 Bỗng dựng gập sơi nắng trưa dịu d.....
 Bỗng dựng gập gió l..... thàng
 Gom hương lúa chín rải tr..... đồng xa.

Theo Thảo Nguyên

4. Viết từ ngữ chỉ hoạt động:

a. Có tiếng **tập**.

Grid for writing words.

b. Có tiếng **đọc**.

--

c. Có tiếng **hát**.

--

5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 4.

--

6. Gạch dưới từ ngữ trả lời câu hỏi *Làm gì?* trong từng câu dưới đây:

- a. Kim trò chuyện với hai người bạn mới.
- b. Thước kẻ xin lỗi bút chì và bút mực.

7. Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập của em dựa vào gợi ý:

- a. Nêu tên đồ dùng học tập.
- b. Nói về một vài đặc điểm nổi bật của đồ dùng học tập:

Hình dáng

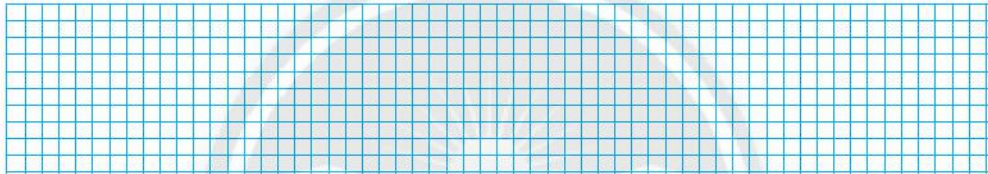
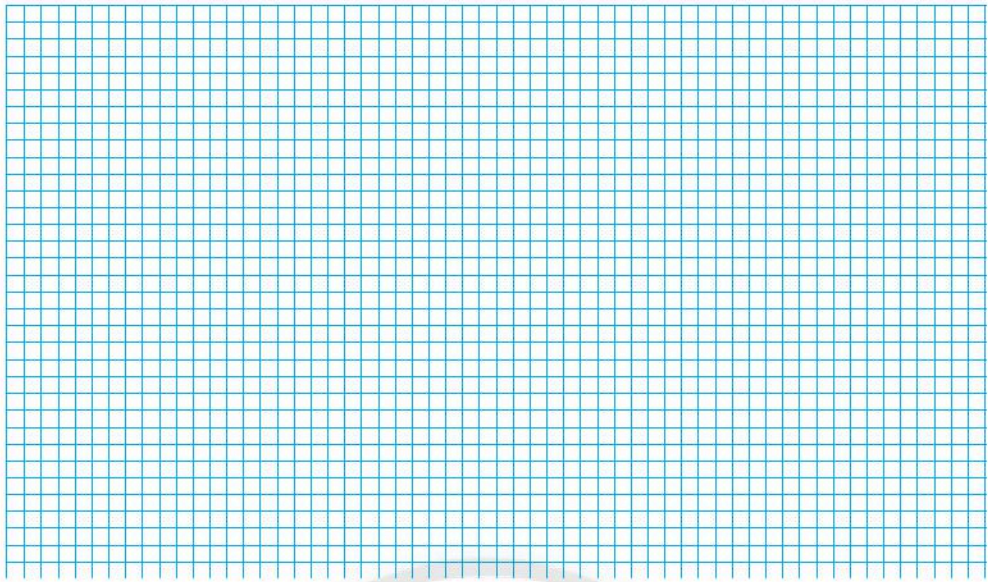
Kích thước

Màu sắc

Chất liệu



c. Tình cảm của em với đồ dùng học tập đó.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn về một bài đọc về bạn bè.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tên cuốn sách:

Tên bạn:

.....
.....
.....

Thông tin thú vị:

.....
.....
.....
.....

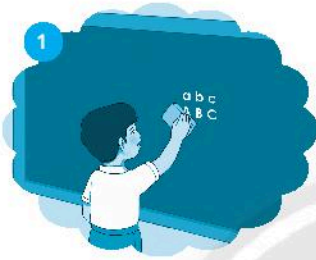


NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ

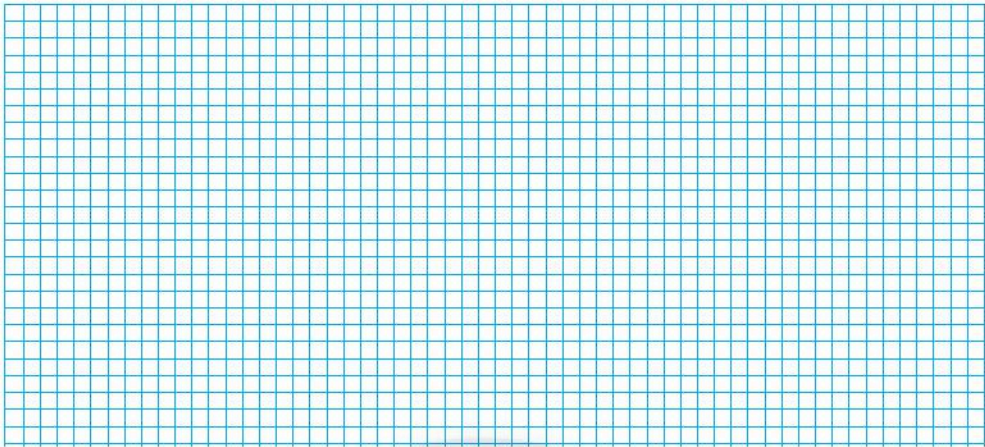
(Tuần 16 – 17)

Bài 1: Mẹ của Oanh (SGK, tr.130)

1. Viết từ ngữ gọi tên hoạt động có trong từng bức tranh dưới đây:



2. Viết 2 – 3 câu có từ ngữ ở bài tập 1.

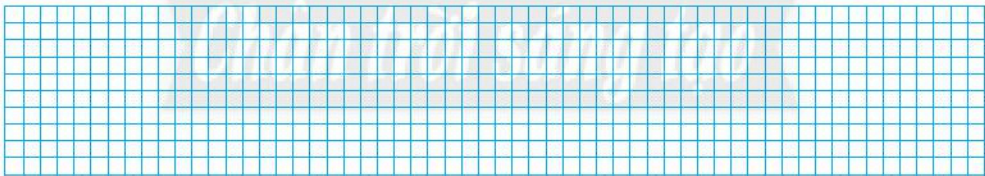


3. Viết câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:

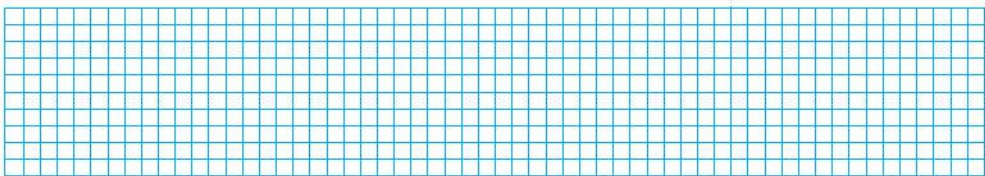
M: – Cô giáo đang hướng dẫn các bạn trồng cây **trong vườn trường.**

→ Cô giáo đang hướng dẫn các bạn trồng cây **ở đâu?**

a. Các bạn đang tưới hoa **bên cạnh cửa sổ lớp học.**



b. **Trên sân trường,** bác lao công đang quét rác.



Bài 2: Mục lục sách (SGK, tr.133)

1. Nghe – viết: *Mẹ của Oanh* (từ Giờ Tiếng Việt đến chế tạo).



2. Điền vần **eo** hoặc vần **o eo** vào chỗ trống và thêm dấu thanh (nếu cần):

Chú m..... mướp

Thích l..... trèo

Trèo không kh.....

Nên nằm kh.....!

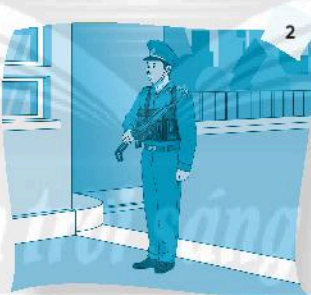
Theo Phạm Văn Tình

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (dầm, rầm): rộ mưa
 (dụng, rụng): rơi sử
 (du, ru): lịch ngủ

b. (giặc, giặt): tắm đánh
 (chắc, chặt): vững lọc
 (sắc, sắt): thép xuất

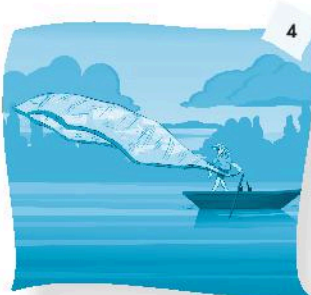
4. Viết từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp của mỗi người có trong từng bức tranh dưới đây:



.....

.....

.....



.....

.....

.....

5. Viết 1 – 2 câu về công việc của một người có trong bức tranh ở bài tập 4 (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	làm gì?
Bác nông dân	cấy lúa.
.....
.....
.....
.....

6. Viết 4 – 5 câu tả chú gấu bông dựa vào hình và từ ngữ gợi ý:



Tên

Đặc điểm

Tình cảm

Hình dáng

Màu sắc

Bộ phận nổi bật

A large grid of graph paper for writing the description of the teddy bear.



Grid area for writing.

7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về nghề nghiệp.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tên tác giả hoặc tập thơ:

Nghề nghiệp:

.....
.....
.....

Hình ảnh đẹp:

.....
.....
.....



Chân trời sáng tạo

Bài 3: Cô giáo lớp em (SGK, tr.138)

1. Viết bưu thiếp để chúc mừng hoặc cảm ơn thầy cô giáo.

Postcard template with two hearts at the top, five horizontal lines for writing, and a flower illustration at the bottom right.

2. Tìm trong 2 khổ thơ dưới đây:

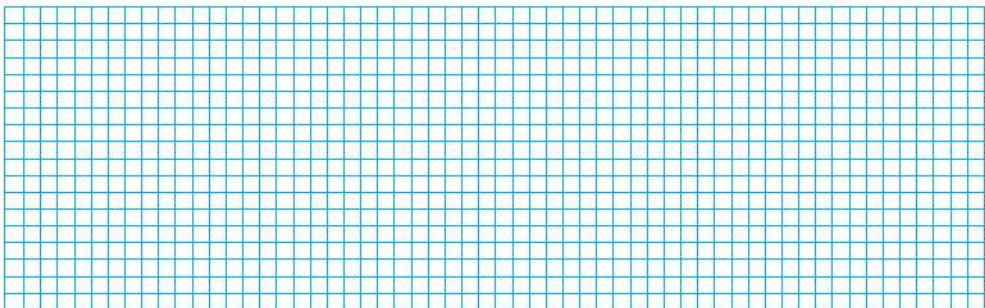
Bé chơi làm thợ nề
Xây nên bao nhà cửa.
Bé chơi làm thợ mỏ
Đào lên thật nhiều than.

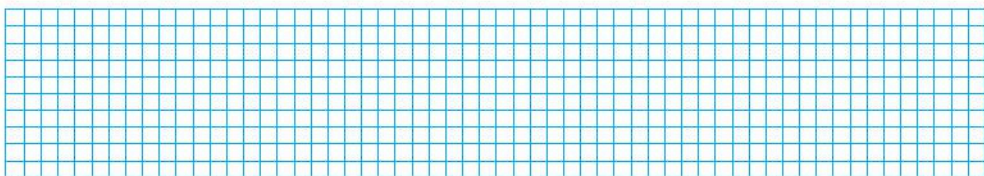
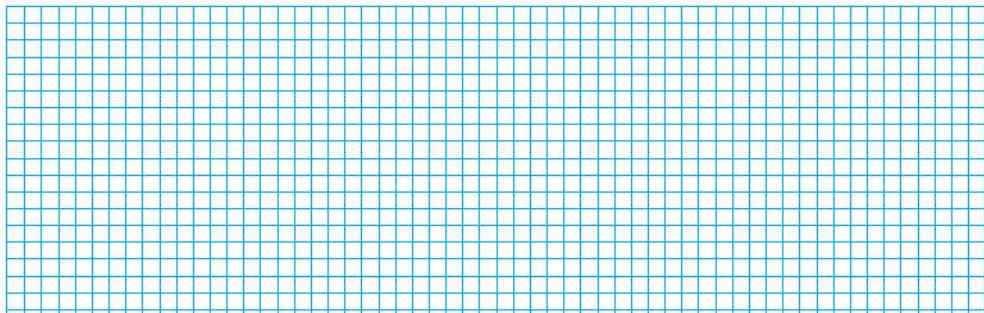
Bé chơi làm thợ hàn
Nối nhịp cầu đất nước.
Bé chơi làm thầy thuốc
Chữa bệnh cho mọi người.

Yến Thảo

a. Từ ngữ chỉ người.	b. Từ ngữ chỉ hoạt động của người đó.
<p>M: thợ nề</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>M: xây</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

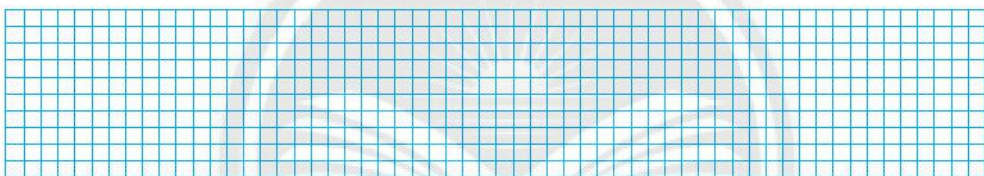
3. Viết câu chỉ hoạt động của 1 – 2 người ở bài tập 2.



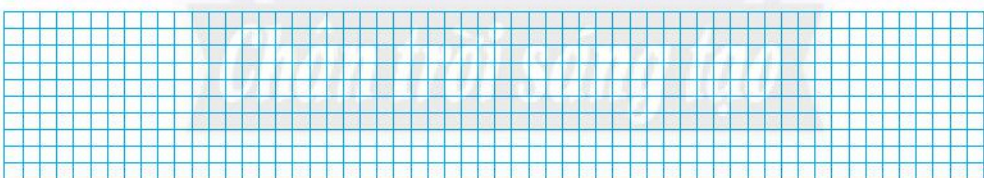


2. Viết tiếng bắt đầu bằng chữ ng hoặc chữ ngh:

a. Trong bài chính tả.



b. Ngoài bài chính tả.

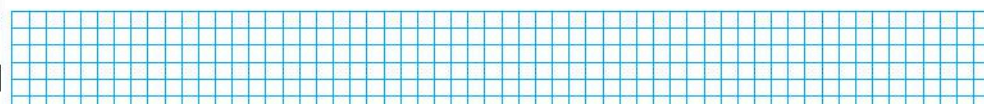


(3) Viết từ ngữ chỉ đồ vật, công việc hoặc nghề nghiệp:

a. Có tiếng bắt đầu bằng chữ s. **M:** bác sĩ



Có tiếng bắt đầu bằng chữ x. **M:** thợ xây



5. Điền từ ngữ ở bài tập 4 phù hợp vào chỗ trống:

a. Ngoài đồng, bác đang Chiếc như một con bọ ngựa khổng lồ đang chăm chỉ làm việc.

b. Đêm ấy, bé Vân sốt cao, phải vào Em lo lắng nhìn ông già đeo kính trắng, cổ đeo cái như chiếc vòng bạc. Khi cho Vân, đôi mày ông cứ nhíu lại như nghĩ ngợi điều gì. Cuối cùng, đôi mắt ông sáng lên làm mẹ và Vân thấy nhẹ cả người: "Cháu bị cảm thôi! Chị cứ yên tâm!".

Theo Ngô Quân Miện

6. Viết 4 – 5 câu về một đồ chơi em thích dựa vào gợi ý:

a. Em thích đồ chơi gì?

b. Đồ chơi đó có những đặc điểm gì đáng chú ý về:

Hình dáng

Màu sắc

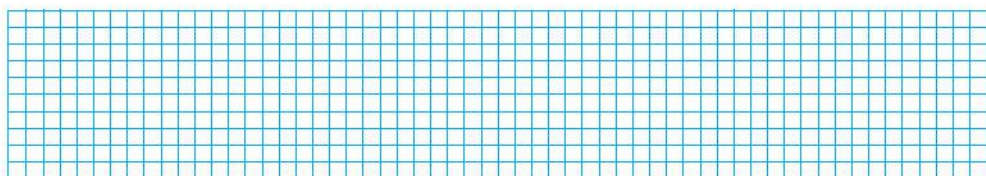
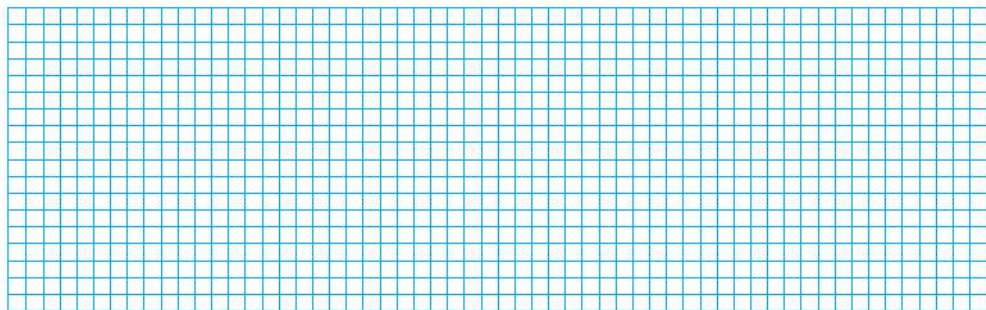
Bộ phận nổi bật

Hoạt động



c. Tình cảm của em với đồ chơi đó.

A large grid area for writing an answer.



7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về nghề nghiệp.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Câu văn hay:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thông tin em thích:

.....
.....
.....
.....
.....



ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

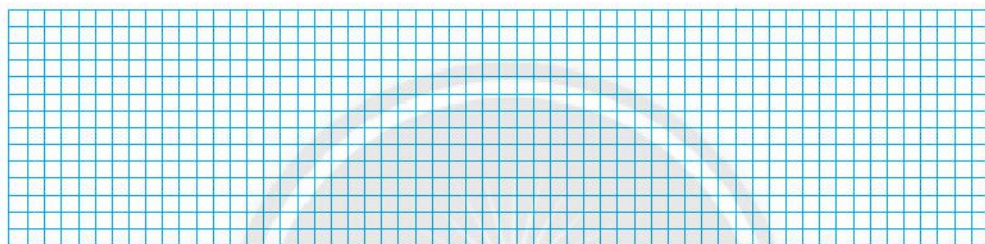
(Tuần 18)

Ôn tập 1 (SGK, tr.146)

1. Gạch 1 gạch dưới từ ngữ chỉ sự vật, 2 gạch dưới từ ngữ chỉ hoạt động trong câu sau:

Trên đỉnh tháp, ba người thợ đang lau chùi và kiểm tra hệ thống đèn.

2. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ở bài tập 1.



3. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một bài đã đọc về người lao động.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

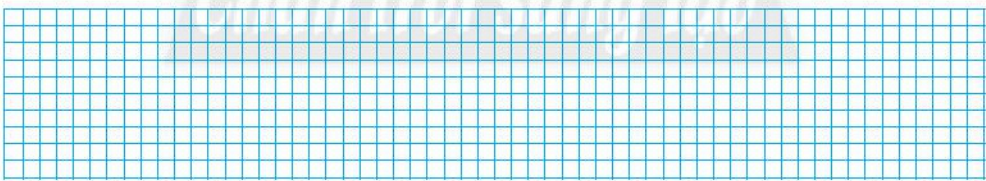
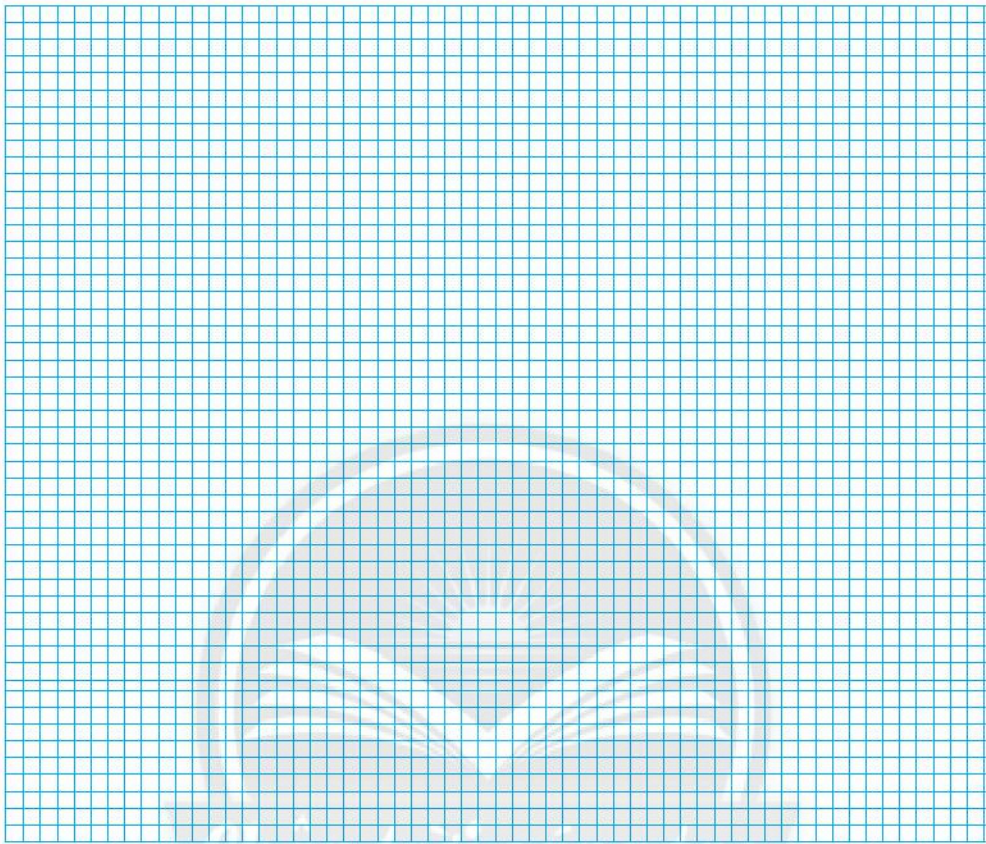
Từ ngữ chỉ nghề nghiệp:	Từ ngữ chỉ công việc:
---	---

Điều em biết thêm:
.....
.....



Ôn tập 2 (SGK, tr.148)

1. Nghe – viết: *Cánh cửa nhớ bà* (2 khổ thơ cuối).



2. Điền tiếng phù hợp vào chỗ trống trong bảng dưới đây:



Âm đầu	c	k	g	gh	ng	ngh
Vần						
im hoặc iêm		kim	
an hoặc ang	

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

.....ăm làm

.....ông mong

.....ong lành

.....úc mừng

b. Vần **ui** hoặc vần **uôi** và thêm dấu thanh (nếu cần).

gần g.....

n..... nắng

cắm c.....

c..... cùng

4. Điền dấu câu phù hợp vào □.

Vừa thấy cô giáo, chú bộ đội bước nhanh tới, vội ngả chiếc mũ xuống:

– Em chào cô ạ!

Cô giáo bỗng đứng sững lại □ Chúng em cũng nín lặng vây quanh □

– Thưa cô, em về thăm sức khỏe của cô!

Cô giáo như chợt nhớ ra:

– Ô □ Em Thanh! Em lái máy bay à □ Em còn nhớ cô ư □

– Thưa cô, dù bao nhiêu năm nữa, dù đi đâu rất xa, em vẫn là học sinh cũ của cô, đã từng được cô dìu dắt, dạy bảo □

Theo Phong Thu

5. Viết 4 – 5 câu tả một đồ vật trong nhà dựa vào gợi ý:

a. Em tả đồ vật gì?

b. Đồ vật đó có những đặc điểm gì nổi bật?

Hình dáng

Kích thước

Màu sắc

Chất liệu



c. Tình cảm của em với đồ vật đó.

A large rectangular area filled with a light blue grid, intended for the student to write their description of a household object.A smaller rectangular area filled with a light blue grid, intended for the student to write their feelings about the object.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (SGK, tr.151)

A. ĐỌC THÀNH TIẾNG CÂU CHUYỆN SAU:

Cá chuồn tập bay

Cá chuồn con chưa bao giờ được bay lên khỏi mặt nước. Phong cảnh dưới lòng biển đã đẹp nhưng trên khoảng không cũng lắm điều kì thú. Vào một buổi sáng mùa thu, nước biển trong vắt, cá chuồn con được mẹ đưa đi tập bay. Bài học bay mẹ dạy, chú đã thuộc lòng, vậy mà chú vẫn hồi hộp.

Tiếng hô "Phóng!" của mẹ vừa dứt, chú vút lên như một mũi tên. Toàn thân chú đột nhiên nhẹ bồng, sáng lấp lánh trong ánh mặt trời. Một khung cảnh mới mẻ, tươi đẹp mở ra trước mắt. Những con tàu bồng bênh trên mặt nước. Những con sóng bọt tung trắng xóa. Đàn hải âu dập dờn phía xa.

Cá chuồn xoè đôi cánh trước ngực, liệng một đường thật ngoạn mục rồi lại nhẹ nhàng đáp xuống mặt nước. Tất cả chỉ diễn ra trong vòng mấy giây đồng hồ. Giờ đây, chuồn con đã biết thế nào là bầu trời bao la. Và một điều còn quan trọng hơn thế là chú đã trở thành cá chuồn thật sự.

Theo Trần Đức Tiến



B. ĐỌC BÀI SAU:

Bữa tiệc ba mươi sáu món

Trước hôm nghỉ Tết, cô Dung nói với cả lớp: "Ngày mai, chúng ta bày tiệc tiễn năm cũ, đón năm mới. Mỗi em hãy mang tới lớp một món đãi bạn."

Bạn Hưng góp kẹo trái cây. Bạn Nhung góp những trái vú sữa tròn vo căng mọng hái từ vườn nhà. Bạn Hương góp mút dưa làm cùng bà ngoại. Mỗi bạn một món, đủ thứ. Đã có bánh da lợn ướn, lại có bánh lỗ tai heo khô cong, giòn rụm. Đã có hạt dưa nhỏ bằng móng ngón tay út sơn son, lại có bánh phồng khoai to, tròn vo. Còn những miếng dưa hấu mới xẻ thì cong vút như cái miệng rộng cười hết cỡ. Khó mà kể hết các món ngon trong một bữa tiệc lớn như vậy.

Bữa tiệc của ba mươi lăm bạn lớp 2B có đến ba mươi sáu món. Món nào cũng ngon và lạ. Chưa kịp biết hết tên thì đã hết sạch!

Theo Trần Quốc Toàn

Chân trời sáng tạo

Dựa vào bài đọc trên, em hãy:

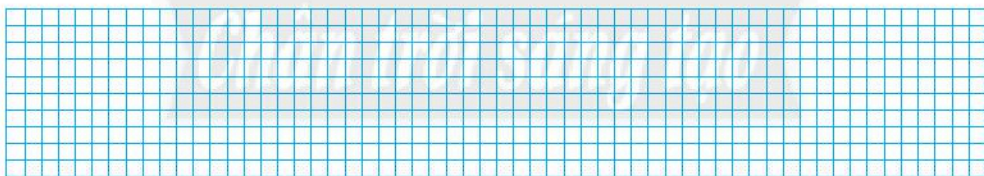
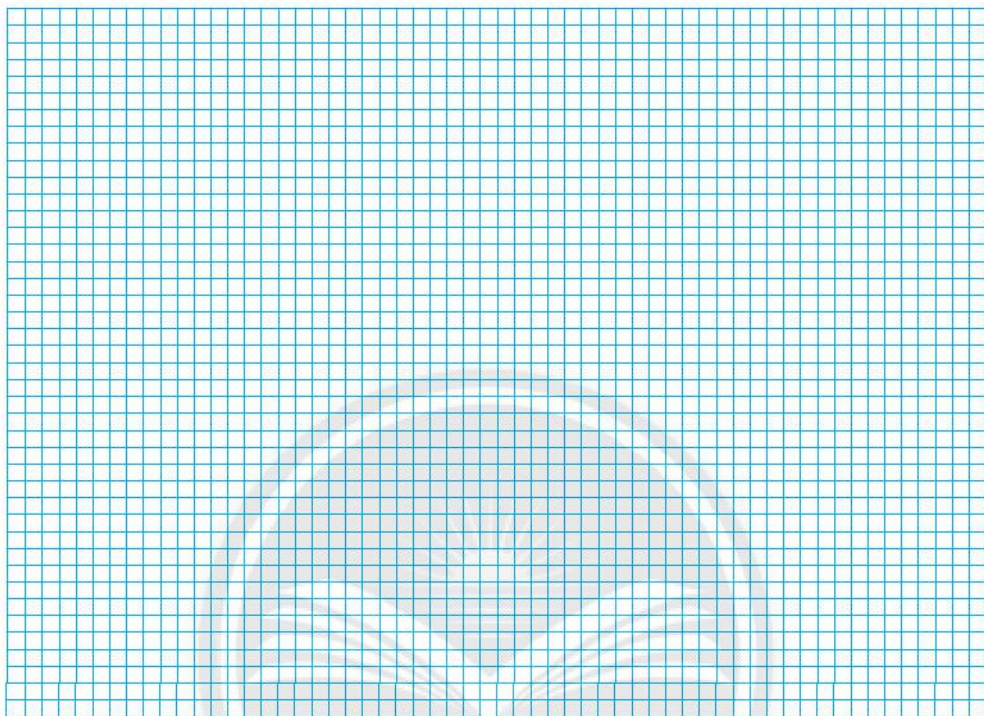
1. Đánh dấu ✓ vào trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

a. Cô Dung đề nghị cả lớp bày tiệc đón năm mới bằng cách nào?

- Mỗi bạn mang một món đãi bạn.
- Mỗi bạn mang hai món đãi bạn.
- Mỗi bạn mang nhiều món đãi bạn.

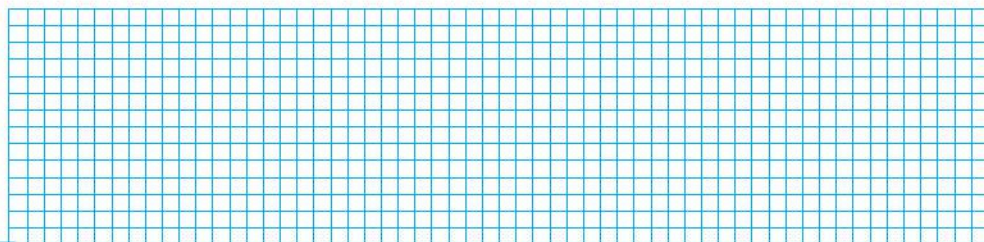
C. VIẾT

1. Nghe – viết: *Bữa tiệc ba mươi sáu món* (từ *Mỗi* bạn một món đến *tròn* uo).



2. Điền dấu câu phù hợp vào □. Chép lại đoạn văn.

Bữa tiệc cuối năm của lớp em thật tuyệt □ cả lớp đều vui
vẻ □ cô Dung cũng rất vui □



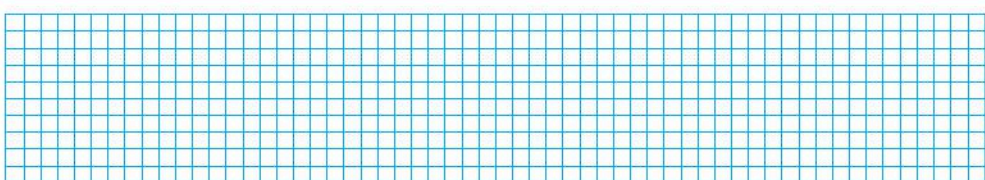
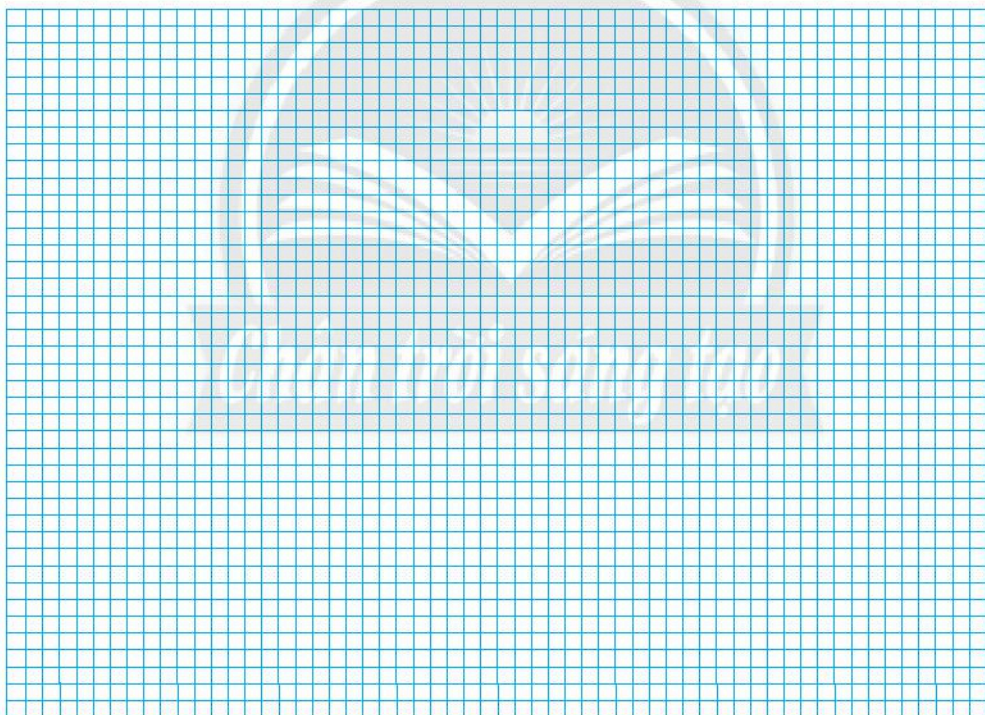
3. Điền chữ **d** hoặc chữ **gi** vào chỗ trống:

Bácưa hầu cười anh mút măng cầu bị bịt mắt trong miếngấy. Trông anhống hệt như đang chơi trò bịt mắt bắtê ngay trên bàn tiệc.

Theo Trần Quốc Toàn

4. Viết 4 – 5 câu giới thiệu một đồ dùng học tập dựa vào gợi ý:

- Em sẽ giới thiệu đồ vật gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó giúp gì cho em?



D. NGHE ĐỌC CÂU CHUYỆN SAU:

Dòng suối và viên nước đá

Trong cơn mưa đá, một viên nước đá lóng lánh như kim cương rơi xuống ven suối. Dòng suối trông thấy, liền vui vẻ nói:

– Chào bạn, mời bạn cùng đi với mình để ra sông, về biển!

Viên nước đá khinh khỉnh đáp:

– Anh đực ngẫu thế kia, tôi đi cùng sao được! Trời xanh kia mới là bạn của tôi!

Dòng suối cười xoà rồi ào ào chảy ra sông, xuôi về biển cả. Viên nước đá trở lại một mình. Một lát sau, nó tan ra rồi biến mất.

Theo Dương Văn Thoa

1. Dựa vào câu chuyện vừa nghe, đánh dấu ✓ vào đặt trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

a. Hai nhân vật nào có trong câu chuyện?

- trời xanh, dòng suối
- dòng suối, viên nước đá
- viên nước đá, biển cả

b. Viên nước đá có thái độ thế nào khi dòng suối mời nó cùng đi?

- xem thường
- yêu thương
- kính trọng

c. Câu chuyện kết thúc như thế nào?

- Viên nước đá cùng dòng suối ra biển.
- Viên nước đá nằm cười xoà rồi ra biển.
- Dòng suối chảy đi, viên nước đá tan ra và biến mất.

2. Nói về điều em học được từ câu chuyện *Dòng suối và viên nước đá*.



Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
3. TẬP VIẾT 2 – TẬP MỘT
4. TẬP VIẾT 2 – TẬP HAI
5. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP MỘT
6. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP HAI
7. Vở bài tập
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
8. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 2
9. Vở bài tập
ÂM NHẠC 2
10. Vở bài tập
MĨ THUẬT 2
11. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhủ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-25586-0



9 786040 255860

Giá: 17.000 đ